

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)</b> .....	5
1. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu của lịch sử. ....	5
3. Anh/Chị hãy trình bày các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng và nguyên nhân thất bại của các phong trào. ....	7
4. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với vai trò, công lao của Nguyễn Ái Quốc. ....	8
5. Anh/Chị hãy trình bày nguyên nhân ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929. Sự ra đời của các tổ chức cộng sản này đã phản ánh điều gì? .....	10
6. Anh/Chị hãy chứng minh: Bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo được phản ánh trong nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (2-1930).....	11
7. Anh/Chị hãy trình bày phong trào cách mạng 1930-1931. Kết quả và ý nghĩa lịch sử của phong trào đó.....	12
8. Anh/Chị hãy so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) và Luận cương chính trị (10/1930). Qua đó chỉ ra mặt hạn chế của Luận cương. ....	14
9. Anh/Chị hãy trình bày chủ trương và nhận thức mới của Đảng Cộng sản Đông Dương về vấn đề dân tộc và dân chủ giai đoạn 1936 – 1939. ....	17
10. Theo Anh/Chị, tại sao Đảng đẩy mạnh các phong trào đấu tranh vận động dân chủ giai đoạn 1936-1939? Kể tên các phong trào và rút ra ý nghĩa lịch sử. ....	17
11. Anh/Chị hãy phân tích chủ trương chiến lược mới của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1939-1945. Và rút ra ý nghĩa lịch sử. ....	19
12. Anh/Chị hãy chứng minh: Nghị quyết của hội nghị Trung ương Tám (tháng 5 - 1941) đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong. .....	21
13. Anh/Chị hãy phân tích nội dung và ý nghĩa của Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngày 12/3/1945.....	22
15. Anh/Chị hãy chứng minh: tính cách mạng giải phóng dân tộc điển hình và tính dân chủ được thể hiện trong cách mạng tháng Tám năm 1945. ....	25

## **CHƯƠNG 2 ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975) .....**

27

1. Anh/Chị hãy phân tích tình thế “Ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 và chủ trương, sách lược của Đảng giải quyết tình thế khó khăn trên..... 27
2. Theo anh/chị, trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam cần phát huy bài học kinh nghiệm gì từ sách lược ngoại giao của Đảng thời kỳ 1945-1946? ..... 29
3. Anh/Chị hãy phân tích nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951) để làm rõ đây là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt. .... 30
4. Anh/Chị hãy phân tích những thuận lợi, khó khăn của tình hình quốc tế và trong nước sau ngày ký Hiệp định Giơnevơ năm (7-1954). Tình hình trên đặt ra yêu cầu bức thiết gì?..... 32
5. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ quá trình Đảng lãnh đạo chuyển hướng cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 – 1960)...... 34
6. Anh/Chị hãy phân tích nội dung Đại hội III (tháng 9-1960) để làm sáng tỏ đây là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà. .... 35
7. Anh/Chị hãy phân tích nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng tại Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) và rút ra ý nghĩa lịch sử. .... 37
8. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc (1965-1968). Trình bày kết quả và ý nghĩa lịch sử. .... 38
9. Anh/chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này. .... 40
10. Anh/Chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này. .... 43
11. Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng thời kỳ 1954 – 1975, Đảng ta rút ra những kinh nghiệm gì? Hãy phân tích một kinh nghiệm anh/chị tâm đắc nhất. .... 45

### **CHƯƠNG 3 ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY)..... 47**

1. Anh/Chị hãy trình bày đường lối phát triển kinh tế của Đảng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976). Qua đó nêu hạn chế của chủ trương này? ..... 47
2. Anh/Chị hãy Phân tích những quan điểm mới được đề ra tại Đại hội V của Đảng (3-1982). Nêu ý nghĩa và hạn chế của Đại hội? ..... 48
3. Anh/Chị hãy chứng minh: Chủ trương công nghiệp hóa “tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu” thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3-1982) được đánh giá là một bước điều chỉnh đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam? ..... 49
6. Anh/Chị hãy trình bày những nội dung và kết quả chỉ đạo đổi mới quan trọng của Đảng tại các Hội nghị Trung ương Đảng khóa VI trên lĩnh vực kinh tế. .... 52
8. Anh/Chị hãy trình bày quan điểm của Đảng về công nghiệp hoá trong thời kỳ mới được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996). Qua đó làm rõ trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước..... 54
9. Anh/Chị hãy làm rõ quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được thông qua tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7/1998). Qua đó, hãy nêu trách nhiệm của bản thân để đóng góp vào việc giữ gìn, phát huy, truyền bá các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam? ..... 56
10. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ bước trưởng thành trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001). .... 57
11. Anh/Chị hãy trình bày đặc trưng mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được thông qua tại Đại hội toàn quốc lần thứ X (4-2006) và chỉ ra những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay..... 59
12. Anh/Chị hãy trình bày những điểm bổ sung, phát triển của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991. .... 61
13. Anh/Chị hãy trình bày một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay được thể hiện thông qua Nghị quyết số 12-NQ/TW do Hội nghị Trung ương 4 khóa XI ban hành ngày 16/1/2012. Qua đó, hãy đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay. .... 62

14. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (6/2014). Qua đó, làm rõ đóng góp của bản thân vào việc xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp. .... 64
15. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được thông qua tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11-2013). Để đáp ứng với yêu cầu trên, sinh viên cần làm gì? ..... 66
16. Anh/Chị hãy trình bày sáu nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới được thông qua tại Đại hội XII (1/2016). Để phát huy nhân tố con người, sinh viên cần phải làm gì? ..... 68
17. Anh/Chị hãy trình bày quan điểm phát triển đất nước trong thời kỳ mới của Đảng tại Đại hội XIII (2021). Để “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, trách nhiệm tiên phong của bản thân và sinh viên Việt Nam hiện nay là gì? ..... 69
18. Anh/Chị hãy trình bày những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay. Qua đó, anh/chị tâm đắc nhất bài học nào? Vì sao? ..... 71

# CHƯƠNG 1

## ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

### **1. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu của lịch sử.**

Lời giải:

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN) vào ngày 3/2/1930 là một tất yếu lịch sử khách quan. Điều này được chứng minh qua bối cảnh xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phát triển của các phong trào yêu nước.

Đầu tiên, sự khủng hoảng về đường lối cứu nước và vai trò lãnh đạo. Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, nhiều phong trào yêu nước chống Pháp đã diễn ra mạnh mẽ nhưng đều lần lượt thất bại. Các phong trào dưới sự lãnh đạo của tầng lớp phong kiến như phong trào Cần Vương hay khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám, dù kiên cường nhưng không thể tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân và cuối cùng bị dập tắt. Các xu hướng cải cách hay bạo động theo tư tưởng tư sản của Phan Bội Châu hay Phan Châu Trinh cũng không thành công, bộc lộ sự non yếu, hấp tấp, thiếu kiên định của giai cấp tư sản dân tộc và tiểu tư sản. Sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam Quốc dân Đảng lãnh đạo vào tháng 2/1930 là dấu chấm hết cho vai trò lãnh đạo của giai cấp tư sản.

Thứ hai, đây là yêu cầu khách quan của lịch sử. Nhu cầu cấp thiết lúc bấy giờ là phải có một đường lối cứu nước đúng đắn, một tổ chức vững mạnh, đủ sức lãnh đạo toàn thể dân tộc giải quyết các mâu thuẫn cơ bản của xã hội, đặc biệt là mâu thuẫn giữa toàn dân tộc với đế quốc xâm lược và phong kiến phản động. Lịch sử Việt Nam đã đặt ra nhiệm vụ lịch sử là phải tìm ra một phương pháp cách mạng tiên phong, một đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

Thứ ba, sự chuẩn bị của Nguyễn Ái Quốc và sự truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin. Trong bối cảnh khủng hoảng đường lối, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) đã ra đi tìm đường cứu nước vào năm 1911. Qua quá trình trải nghiệm thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Người đã nhận thức được con đường cách mạng vô sản là con đường duy nhất đúng đắn để giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Người đã tiếp thu và truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, đồng thời chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng. Các hoạt động như thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa, xuất bản các tác phẩm như "Bản án chế độ thực dân Pháp," "Đường cách mệnh" đã góp phần to lớn vào việc truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản.

Cuối cùng, sự hợp nhất của các tổ chức cộng sản. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân và phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản đã dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản trong nước vào năm 1929: Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Tuy nhiên, sự tồn tại của ba tổ chức này gây ra phân tán lực lượng và thiếu thống nhất. Trước yêu cầu bức thiết của lịch sử, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Hương Cảng (Trung Quốc) từ 6/1 đến 7/2/1930. Hội nghị đã thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính Đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam và thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Như vậy, sự ra đời của Đảng CSVN là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng đã chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, đưa cách mạng Việt Nam sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại

## **2. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ những chuyển biến về kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam dưới tác động chính sách cai trị của thực dân pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.**

### Lời giải:

Dưới tác động của chính sách cai trị của thực dân Pháp, Việt Nam đã trải qua những chuyển biến sâu sắc về kinh tế, chính trị và xã hội từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

Về kinh tế, từ một nền kinh tế tự nhiên, sang nền kinh tế thuộc địa nửa phong kiến, Thực dân Pháp đã biến Việt Nam thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, phụ thuộc vào kinh tế Pháp. Nền kinh tế Việt Nam được xây dựng theo hướng phục vụ cho lợi ích của thực dân Pháp, với mục đích bóc lột kinh tế tối đa. Đầu tiên, nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu của Việt Nam. Thực dân Pháp đã thực hiện chính sách bóc lột nông dân, đẩy mạnh khai thác nông nghiệp để thu lợi. Thực dân Pháp đã chiếm đoạt ruộng đất của nông dân, lập đồn điền, mở rộng diện tích trồng lúa, cao su, chè, cà phê... Thứ hai, công nghiệp ở Việt Nam chỉ phát triển ở quy mô nhỏ, phục vụ cho nhu cầu của thực dân và giai cấp địa chủ. Thực dân Pháp chỉ đầu tư vào những ngành công nghiệp khai thác khoáng sản, chế biến nông sản, phục vụ nhu cầu của thị trường Pháp. Cuối cùng, Thương nghiệp Việt Nam bị độc quyền bởi tư bản Pháp. Các sản phẩm của Pháp được đưa vào Việt Nam tiêu thụ, các sản phẩm của Việt Nam bị hạn chế xuất khẩu.

Về chính trị, từ một quốc gia độc lập, thành một nước thuộc địa Thực dân Pháp đã xóa bỏ nền quân chủ phong kiến ở Việt Nam, thiết lập bộ máy cai trị trực tiếp. Thực dân Pháp đã tước bỏ quyền tự chủ về chính trị của Việt Nam, biến Việt Nam thành một nước thuộc địa. Thực hiện chính sách “chia để trị”, chia Việt Nam thành ba xứ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ,

Nam Kỳ, mỗi xứ có một chế độ cai trị khác nhau. Điều này làm cho nhân dân Việt Nam bị chia rẽ, khó đoàn kết đấu tranh. Thực hiện chính sách “trọng Pháp, khinh Nho”, “trọng công, khinh nông”, “trọng đô thị, khinh nông thôn” nhằm mục đích đồng hóa dân tộc Việt Nam.

Về xã hội, xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc dưới tác động của chính sách cai trị của thực dân Pháp, thành hai giai cấp chính: giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. Giai cấp thống trị Việt Nam thời Pháp thuộc thứ nhất có giai cấp địa chủ phong kiến là tầng lớp nắm giữ ruộng đất, có quyền lực về chính trị và kinh tế. Kế đó là giai cấp tư sản mại bản là tầng lớp đại diện cho giai cấp tư sản, hoạt động trong lĩnh vực thương nghiệp. Cuối cùng là giai cấp quan lại, binh lính là những người phục vụ cho chính quyền thực dân Pháp. Về giai cấp bị trị thời Pháp thuộc gồm có giai cấp nông dân, công nhân và giai cấp tiểu tư sản. Giai cấp nông dân là tầng lớp chiếm đại đa số dân số, sống phụ thuộc vào ruộng đất. Giai cấp công nhân là tầng lớp lao động trong các nhà máy, xí nghiệp. Giai cấp tiểu tư sản là tầng lớp lao động trí óc, hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, thương nghiệp.

Những chuyển biến về kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam dưới tác động chính sách cai trị của thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã tạo ra những tiền đề cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và phong trào cách mạng Việt Nam.

### **3. Anh/Chị hãy trình bày các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng và nguyên nhân thất bại của các phong trào.**

#### Lời giải:

Trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã phát động nhiều phong trào yêu nước với nhiều hình thức và xu hướng khác nhau.

Các phong trào yêu nước tiêu biểu:

Khuynh hướng phong kiến:

Phong trào Cần Vương (1885-1896): Dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu phong kiến yêu nước như Phan Đình Phùng, Tôn Thất Thuyết, đây là phong trào vũ trang chống Pháp, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê.

Khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913): Dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám ở vùng núi và trung du Bắc Kỳ, đây là cuộc đấu tranh vũ trang kiên cường kéo dài gần 30 năm chống Pháp.

Khuynh hướng tư sản:

Xu hướng bạo động của Phan Bội Châu: Tiêu biểu là phong trào Đông Du (năm 1905), đưa thanh niên sang Nhật học tập để chuẩn bị lực lượng chống Pháp.

Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh: Chủ trương "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", đấu tranh đòi dân quyền, cải cách đất nước thay vì bạo động.

Phong trào của Việt Nam Quốc dân Đảng (thành lập 1927): Tổ chức theo khuynh hướng tư sản, tiểu tư sản, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Yên Bái vào tháng 2/1930.

\* Nguyên nhân thất bại của các phong trào:

Thiếu đường lối chính trị đúng đắn và khoa học: Các phong trào yêu nước trước Đảng đều không xác định được rõ ràng mục tiêu chiến lược và phương pháp đấu tranh phù hợp để giải quyết các mâu thuẫn cơ bản của xã hội. Các tư tưởng phong kiến đã lỗi thời, không thể đưa cách mạng tiến lên. Các tư tưởng tư sản lại non yếu, thiếu kiên định.

Thiếu một tổ chức chính trị vững mạnh có khả năng tập hợp và lãnh đạo toàn dân tộc: Các tổ chức yêu nước trước đó chưa xây dựng được một hệ thống tổ chức chặt chẽ, thống nhất, và chưa xác định được phương pháp đấu tranh phù hợp để đánh đổ kẻ thù.

Không giải quyết được mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc một cách triệt để: Các phong trào chưa kết hợp được nhiệm vụ giải phóng dân tộc với các vấn đề xã hội như "cách mạng ruộng đất", dẫn đến việc không thể tập hợp được đông đảo tầng lớp nông dân - lực lượng đông đảo nhất.

Chưa xác định được lực lượng cách mạng chủ đạo: Mặc dù nông dân là lực lượng đông đảo và công nhân đã hình thành, nhưng các phong trào chưa xác định được ai là lực lượng lãnh đạo tiên phong.

Tóm lại, sự thất bại của các phong trào yêu nước trước năm 1930 đã chứng minh rằng, lịch sử Việt Nam đòi hỏi một lực lượng tiên phong với đường lối cứu nước đúng đắn, đó chính là vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này.

#### **4. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với vai trò, công lao của Nguyễn Ái Quốc.**

Lời giải:

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) vào ngày 3/2/1930 gắn liền một cách sâu sắc với vai trò và công lao vĩ đại của Nguyễn Ái Quốc (Chủ tịch Hồ Chí Minh). Công lao của Người thể hiện rõ nét qua các mặt sau:



Tìm tòi con đường cứu nước và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin: Từ năm 1911, Nguyễn Tất Thành (tức Nguyễn Ái Quốc) đã ra đi tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 tác động mạnh mẽ đến nhận thức của Người, Nguyễn Ái Quốc đã tìm hiểu con đường Cách mạng Tháng Mười Nga và V.I. Lênin. Tháng 7/1920, Người đọc Luận cương của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, từ đó khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin là con đường giải phóng duy nhất cho các dân tộc thuộc địa và giải phóng con người. Sự kiện này đánh dấu một chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

- Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức:

- Về tư tưởng và lý luận chính trị: Từ giữa năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa, viết nhiều bài báo, tạp chí để vạch rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân và kêu gọi nhân dân các nước thuộc địa đấu tranh giải phóng. Đặc biệt, tác phẩm "Đường cách mệnh" (năm 1927) của Người đã khẳng định: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt" và xác định con đường cách mạng theo lý luận Mác - Lênin, phát triển những quan điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc. Người cũng chỉ rõ vai trò của nông dân là lực lượng đông đảo nhất, là "gốc cách mệnh".

- Về tổ chức: Từ tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để tích cực chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản. Tháng 2/1925, Người chọn một số thanh niên tích cực thành lập Nhóm Cộng sản đoàn. Tháng 6/1925, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu. Hội đã tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách, đào tạo và bồi dưỡng lý luận chính trị cho thanh niên yêu nước. Các bài giảng của Người được biên soạn thành cuốn sách "Đường cách mệnh," đây là cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam. Hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước ở Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, làm cơ sở cho sự ra đời của các tổ chức cộng sản sau này.

- Chủ trì Hội nghị thành lập Đảng: Trước yêu cầu bức thiết của lịch sử khi ba tổ chức cộng sản ra đời ở Việt Nam năm 1929 gây ra sự phân tán về lực lượng, Nguyễn Ái Quốc đã chủ động về Hồng Kông (Trung Quốc) triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng để thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất ở Việt Nam. Hội nghị diễn ra từ ngày 6/1 đến 7/2/1930 dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, với các đề xuất quan trọng của Người về tên Đảng, Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, và kế hoạch hoạt động. Hội nghị đã thống nhất các tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, do Nguyễn

Ái Quốc soạn thảo, đã phản ánh đường lối phát triển và những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam.

Như vậy, từ việc tìm đường cứu nước đến việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị, tổ chức, và trực tiếp chủ trì Hội nghị thành lập, Nguyễn Ái Quốc đã đóng vai trò quyết định, không thể thiếu trong sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

### **5. Anh/Chị hãy trình bày nguyên nhân ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929. Sự ra đời của các tổ chức cộng sản này đã phản ánh điều gì?**

Lời giải:

Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929 (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) là kết quả của nhiều yếu tố:

- Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân và phong trào yêu nước: Đến năm 1929, phong trào cách mạng Việt Nam, đặc biệt là phong trào công nhân, đã phát triển mạnh mẽ và có tính tự giác ngày càng cao, vượt ra khỏi khuôn khổ các tổ chức yêu nước cũ. Các cuộc đấu tranh của thợ thuyền khắp ba kỳ với nhịp độ, quy mô và nội dung chính trị ngày càng sâu sắc.
- Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo: Mặc dù Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (thành lập năm 1925) đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và thúc đẩy phong trào yêu nước, nhưng đến năm 1929, tổ chức này không còn thích hợp và đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng đang phát triển mạnh. Sự phát triển nhanh chóng của phong trào đòi hỏi một tổ chức lãnh đạo mới, có đủ năng lực và tính tiên phong của giai cấp công nhân.
- Sự trưởng thành về ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân: Lực lượng tiên tiến trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã nhận thức rằng những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt Cách mệnh Đảng cần trọng tuyên ngôn cộng sản và toàn thể thợ thuyền, dân cày và lao khổ. Họ thấy rõ rằng cần thành lập "Đông Dương Cộng sản Liên đoàn" để thực hiện nhiệm vụ trước mắt của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn là cải tổ Tân Việt Cách mệnh Đảng thành một đoàn thể cách mạng chân chính.

- Nhu cầu bức thiết thành lập một Đảng Cộng sản chân chính: Từ thực tiễn phong trào cách mạng và sự ảnh hưởng mạnh mẽ của chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam, nhu cầu thành lập một Đảng Cộng sản có khả năng tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, đưa cách mạng đi đến thắng lợi trở nên bức thiết.

Sự ra đời của các tổ chức cộng sản này đã phản ánh điều sau:

- Sự chuyển biến của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản: Đây là một sự phát triển tất yếu, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam.
- Sự trưởng thành của giai cấp công nhân: Giai cấp công nhân Việt Nam đã có những chuyển biến mạnh mẽ về giác ngộ cách mạng và lập trường cách mạng, thể hiện rõ khả năng lãnh đạo của giai cấp này.
- Nhu cầu cấp thiết về một chính đảng thống nhất: Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản cũng phản ánh sự thiếu thống nhất và phân tán về lực lượng trên cả nước, cho thấy nhu cầu cấp bách phải có một chính đảng duy nhất, đủ sức tập hợp lực lượng toàn dân tộc và đảm nhiệm vai trò lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc

## **6. Anh/Chị hãy chứng minh: Bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo được phản ánh trong nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (2-1930).**

Lời giải:

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (tháng 2/1930), đã phản ánh sâu sắc bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ và sáng tạo của Người và của Đảng. Điều này được thể hiện qua các điểm sau:

- Nhận định đúng đắn về đặc điểm xã hội Việt Nam: Cương lĩnh đã phân tích tình hình thực trạng và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam thời bấy giờ là một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, rõ ràng mâu thuẫn giữa toàn dân tộc Việt Nam với đế quốc ngày càng gay gắt. Sự nhận định này là khách quan và khoa học, khác biệt so với việc sao chép lý luận chung.
- Xác định mục tiêu chiến lược phù hợp: Cương lĩnh xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là: "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập". Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó chống đế quốc giành độc lập dân tộc ở vị trí hàng đầu. Đây là

sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, không dập khuôn máy móc.

- Xác định lực lượng cách mạng chủ đạo và đồng minh: Cương lĩnh đã xác định rõ giai cấp công nhân và nông dân là lực lượng nòng cốt của cách mạng. Đồng thời, khẳng định Đảng phải thu phục được đại bộ phận dân cày, liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ vào phe vô sản giai cấp, xây dựng khối đại đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước trên cơ sở đánh giá đúng đắn thái độ chính trị của các giai cấp phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam. Điều này thể hiện sự linh hoạt, tự chủ trong việc xây dựng mặt trận dân tộc.
- Xác định phương pháp cách mạng kiên quyết: Cương lĩnh khẳng định cách mạng phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, "không nhượng bộ một chút lợi ích nào của công nông mà vào đường thoả hiệp". Điều này cho thấy sự kiên định, không thỏa hiệp với kẻ thù, phù hợp với tình hình thực tiễn khi đó.
- Kết hợp chủ nghĩa quốc tế vô sản với tính dân tộc: Ngay khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao chủ nghĩa quốc tế và mang bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, đồng thời rõ cách mạng Việt Nam phải có liên hệ mật thiết với phong trào vô sản thế giới. Điều này thể hiện sự sáng tạo trong việc kết hợp yếu tố quốc tế với tính đặc thù dân tộc, không rơi vào biệt lập hay giáo điều.
- Định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng: Cương lĩnh khẳng định Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp và phải lãnh đạo được quần chúng. Điều này cho thấy sự tự chủ trong việc xác định vai trò trung tâm của Đảng trong tiến trình cách mạng.

Tóm lại, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng không chỉ là sự tiếp thu lý luận mà còn là sự vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, thể hiện rõ bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, và sáng tạo của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi xướng và soạn thảo

## **7. Anh/Chị hãy trình bày phong trào cách mạng 1930-1931. Kết quả và ý nghĩa lịch sử của phong trào đó.**

### Lời giải:

Phong trào cách mạng 1930-1931 diễn ra trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) tác động mạnh mẽ đến Việt Nam, làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa toàn dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và phong kiến tay sai.

- Diễn biến chính:

◦ Từ tháng 3 đến tháng 8/1930: Phong trào đấu tranh bùng nổ mạnh mẽ trên khắp cả nước. Hàng loạt các cuộc bãi công của công nhân (Sài Gòn, Hải Phòng, Nam Định) và đấu tranh của nông dân (Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh) đã diễn ra liên tục. Các khẩu hiệu đấu tranh, cờ búa liềm xuất hiện rộng rãi. Đặc biệt, cuộc bãi công lớn của công nhân khu công nghiệp Bến Thủy - Vinh (8/1930) đánh dấu một thời kỳ đấu tranh quyết liệt mới.

◦ Đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh (tháng 9/1930): Tại Nghệ An và Hà Tĩnh, phong trào nông dân phát triển đến đỉnh cao. Các tổ chức Đảng lãnh đạo ban chấp hành nông hội ở thôn, xã đã đứng ra quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở nông thôn, thực hiện chính quyền kiểu Xô viết, làm chức năng, nhiệm vụ của một chính quyền cách mạng. Cuộc đấu tranh ở Hưng Nguyên (12/9/1930) là một biểu hiện nổi bật.

• Kết quả:

◦ Chính quyền Xô viết ra đời, đại diện cho chính quyền công nông đầu tiên ở Việt Nam, quản lý đời sống xã hội ở nhiều địa phương.

◦ Phong trào đã đạt được nhiều thành tựu trong việc tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

◦ Tuy nhiên, phong trào đã bị đế quốc Pháp và phong kiến đàn áp khốc liệt, gây tổn thất nặng nề cho Đảng và quần chúng, nhiều cán bộ, đảng viên bị bắt bớ, hy sinh, thậm chí toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bắt vào tháng 4/1931.

• Ý nghĩa lịch sử:

◦ Khẳng định quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo của Đảng: Mặc dù bị tổn thất nặng nề, phong trào cách mạng 1930-1931 đã khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng ta.

◦ Củng cố niềm tin của quần chúng: Nó đã đem lại niềm tin vững chắc vào giai cấp vô sản cho nông dân, đồng thời đem lại cho đồng bào quần chúng công nông lòng tự tin ở sức mạnh cách mạng vĩ đại của mình.

◦ Rèn luyện cán bộ và quần chúng: Phong trào đã rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước.

◦ Bài học kinh nghiệm quý báu: Phong trào cũng đã cung cấp cho Đảng những kinh nghiệm quý báu về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược, kết hợp đấu tranh của công nhân với nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; kết

hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào ở thành thị; kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

◦ Mở đường cho thắng lợi sau này: Tinh thần anh dũng và bất khuất của phong trào đã mở đường cho những thắng lợi sau này

### **8. Anh/Chị hãy so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) và Luận cương chính trị (10/1930). Qua đó chỉ ra mặt hạn chế của Luận cương.**

Lời giải:

Để hiểu rõ sự giống và khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) và Luận cương chính trị (10/1930), chúng ta cần xem xét bối cảnh ra đời, nội dung cốt lõi và các điểm nhấn của từng văn kiện.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930):

- Bối cảnh và Tác giả: Được Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 2/1930, Hội nghị này đã thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất.
- Mục tiêu chiến lược: Xác định cách mạng Việt Nam là "cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa để đi tới xã hội cộng sản".
- Nhiệm vụ cốt yếu:
  - Đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến, giành độc lập hoàn toàn cho nước Nam.
  - Giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân cày.
  - Mục tiêu hàng đầu là giải phóng dân tộc, sau đó là giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, đặc biệt cho hai giai cấp công nhân và nông dân.
- Lực lượng cách mạng:
  - Phải đoàn kết công nhân và nông dân - đây là lực lượng cơ bản, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo.
  - Đồng thời, chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai.
  - Cần thu phục đại bộ phận dân cày, liên hệ với tiểu tư sản, trí thức, trung nông để kéo họ vào phe vô sản giai cấp.

- Lợi dụng hoặc trung lập bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản bản xứ nếu họ chưa rõ mặt phản cách mạng.

- Phương pháp cách mạng: Tiến hành bằng bạo lực cách mạng của quần chúng.

- Vai trò lãnh đạo: Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp vô sản.

Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10/1930):

- Bối cảnh và Tác giả: Được Trần Phú soạn thảo và thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất vào tháng 10/1930, đồng thời đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

- Mục tiêu chiến lược: Xác định cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc "cách mạng tư sản dân quyền" với tính chất "thỏ địa và phản đế", sau đó sẽ tiếp tục phát triển thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

- Nhiệm vụ cốt yếu:

- Đánh đổ các di tích phong kiến và thực hành cách mạng ruộng đất triệt để.

- Đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

- Nhấn mạnh "Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày".

- Lực lượng cách mạng: Chủ yếu tập trung vào liên minh công nông là động lực chính của cách mạng.

- Phương pháp cách mạng: Vẫn là vũ trang bạo động.

- Vai trò lãnh đạo: Cần có một Đảng Cộng sản có đường lối chính trị đúng đắn, kỷ luật, tập trung, và liên hệ mật thiết với quần chúng.

Điểm giống nhau:

- Cả hai văn kiện đều xác định tính chất xã hội Việt Nam là xã hội thuộc địa nửa phong kiến và mâu thuẫn cơ bản là giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến phản động.

- Cả hai đều xác định kẻ thù chính là đế quốc Pháp và phong kiến.

- Cả hai đều xác định mục tiêu chiến lược là tiến hành cách mạng tư sản dân quyền, tiến lên xã hội chủ nghĩa.

- Cả hai đều xác định lực lượng lãnh đạo là giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản.

- Cả hai đều coi liên minh công nông là động lực cơ bản của cách mạng.
- Cả hai đều xác định phương pháp cách mạng là bạo lực cách mạng.
- Cả hai đều khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

Điểm khác nhau:

- Về mối quan hệ giữa nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến:
  - Cương lĩnh (2/1930) nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc là hàng đầu, sau đó mới đến giải phóng giai cấp, đặc biệt là công nhân và nông dân. Cương lĩnh đã đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên trên hết, rồi mới đến nhiệm vụ chống phong kiến.
  - Luận cương (10/1930) đặt nặng vấn đề giai cấp và đấu tranh ruộng đất, coi vấn đề ruộng đất là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày, đồng thời nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít giữa hai nhiệm vụ phản đế và phản phong.
- Về khả năng tập hợp lực lượng cách mạng:
  - Cương lĩnh (2/1930) chủ trương tập hợp rộng rãi tất cả các giai cấp, tầng lớp tiến bộ, yêu nước không phân biệt giàu nghèo, bao gồm cả tiểu tư sản, trí thức, trung nông, và cả phú nông, trung, tiểu địa chủ, tư bản bản xứ nếu họ chưa rõ mặt phản cách mạng để lợi dụng hoặc trung lập họ.
  - Luận cương (10/1930) giới hạn lực lượng cách mạng chủ yếu là công nhân và nông dân, chưa thể hiện rõ khả năng tập hợp lực lượng toàn dân tộc.
- Về phạm vi cách mạng:
  - Cương lĩnh (2/1930) tập trung vào cách mạng Việt Nam.
  - Luận cương (10/1930) đặt vấn đề cách mạng ở cả ba nước Đông Dương (Việt Nam, Lào, Campuchia).

Mặt hạn chế của Luận cương chính trị (10/1930):

- Chưa nhận rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam: Luận cương đã không nhận rõ mâu thuẫn chủ yếu lúc đó là giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp xâm lược và tay sai, mà lại tập trung vào mâu thuẫn giai cấp.
- Hạn chế trong việc tập hợp lực lượng: Do chưa nhận rõ mâu thuẫn chủ yếu, Luận cương đã không nêu được đầy đủ và đúng đắn khả năng tập hợp lực lượng của cách mạng, đặc



biệt là chưa nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc và khả năng liên minh dân tộc rộng rãi. Điều này đã làm hạn chế khả năng tập hợp lực lượng và kéo dài thời gian đấu tranh.

### **9. Anh/Chị hãy trình bày chủ trương và nhận thức mới của Đảng Cộng sản Đông Dương về vấn đề dân tộc và dân chủ giai đoạn 1936 – 1939.**

#### Lời giải:

Trong giai đoạn 1936-1939, trước bối cảnh chủ nghĩa phát xít xuất hiện và đe dọa chiến tranh thế giới, cùng với việc Mặt trận Bình dân Pháp lên cầm quyền, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương và nhận thức mới quan trọng về vấn đề dân tộc và dân chủ.

- Nhận thức mới về kẻ thù và nhiệm vụ trước mắt:
  - Đảng nhận thức rằng chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới.
  - Nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu của cách mạng lúc này là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai.
  - Mục tiêu đấu tranh trước mắt là đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.
- Chủ trương mới về tập hợp lực lượng (Mặt trận Dân chủ):
  - Nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn này là lập Mặt trận Dân chủ thống nhất rộng rãi.
  - Mặt trận này sẽ tập hợp các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương để cùng nhau đấu tranh đòi những quyền lợi dân chủ cơ bản. Chủ trương này thể hiện sự mở rộng đáng kể so với việc chỉ tập trung vào liên minh công nông như trước đây.

Những chủ trương và nhận thức mới này cho thấy Đảng đã có sự điều chỉnh linh hoạt để thích nghi với tình hình mới, từ đó đẩy mạnh các phong trào đấu tranh dân chủ trên quy mô lớn, thu hút đông đảo quần chúng tham gia

### **10. Theo Anh/Chị, tại sao Đảng đẩy mạnh các phong trào đấu tranh vận động dân chủ giai đoạn 1936-1939? Kể tên các phong trào và rút ra ý nghĩa lịch sử.**

#### Lời giải

Đảng đẩy mạnh các phong trào đấu tranh vận động dân chủ trong giai đoạn này là do sự kết hợp của những thay đổi lớn trong bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước.

- Bối cảnh quốc tế thuận lợi:

- Sự xuất hiện và đe dọa của chủ nghĩa phát xít: Chủ nghĩa phát xít lên cầm quyền ở Đức, Italia, Tây Ban Nha, Nhật Bản đe dọa nghiêm trọng hòa bình thế giới. Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (tháng 7/1935) đã xác định chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nhất và chủ trương thành lập Mặt trận Bình dân rộng rãi để chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình và dân chủ.

- Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp lên cầm quyền: Tháng 5/1936, Mặt trận Bình dân Pháp thắng cử ở Pháp, thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào dân chủ ở Đông Dương.

- Bối cảnh trong nước:

- Mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam đều mong muốn khắc phục những hậu quả của khủng hoảng kinh tế - xã hội và chính sách khủng bố của thực dân Pháp. Điều này tạo nên sự đồng lòng rộng rãi để tham gia các cuộc đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ.

- \* Các phong trào đấu tranh vận động dân chủ tiêu biểu:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc vận động dân chủ diễn ra trên quy mô lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với nhiều hình thức phong phú.

- Cuộc vận động Đông Dương Đại hội: Mở đầu phong trào bằng việc lập "Ủy ban trừ bị Đông Dương Đại hội" để thu thập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới triệu tập đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương.

- Đấu tranh nghị trường: Các đồng chí Đảng viên tham gia tranh cử vào các cơ quan dân cử địa phương và Đông Dương, sử dụng diễn đàn này để tố cáo chính sách phản động của thực dân.

- Đấu tranh trên mặt trận báo chí: Các tờ báo công khai của Đảng và Mặt trận Dân chủ ra đời, tuyên truyền lý luận Mác - Lênin và chủ trương, đường lối của Đảng, góp phần nâng cao nhận thức chính trị cho quần chúng.

- Các cuộc mít tinh, biểu tình, bãi công của công nhân: Diễn ra sôi nổi, đòi quyền dân sinh, dân chủ, cải thiện đời sống.

- Phong trào truyền bá quốc ngữ: Nâng cao dân trí và ý thức dân tộc.

- \* Ý nghĩa lịch sử:

Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 có ý nghĩa lịch sử to lớn:

- Tạo nên đội quân chính trị quần chúng hùng hậu: Hàng triệu người được tập hợp, giác ngộ và rèn luyện, làm cho uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng trong quần chúng.
- Tích lũy kinh nghiệm quý báu cho Đảng: Đảng tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo chiến lược, giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước mắt, xây dựng mặt trận thống nhất, phân hóa và cô lập kẻ thù, kết hợp hình thức tổ chức bí mật và công khai.
- Là bước chuẩn bị quan trọng: Cuộc vận động này thực sự là một bước chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau này, cả về tổ chức, lực lượng và phương pháp đấu tranh.

## **11. Anh/Chị hãy phân tích chủ trương chiến lược mới của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1939-1945. Và rút ra ý nghĩa lịch sử.**

Lời giải:

Bối cảnh quốc tế và trong nước thay đổi mạnh mẽ với sự bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai (9/1939) và việc Nhật Bản xâm lược Đông Dương (9/1940) đã buộc Đảng Cộng sản Đông Dương phải có những chủ trương chiến lược mới. Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939 và đặc biệt là Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc đã xác định rõ những chủ trương này.

- Chuyển hướng chiến lược cách mạng: Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách nhất:
  - Đảng xác định rõ ràng rằng mâu thuẫn chủ yếu và cấp bách nhất trong xã hội Đông Dương lúc này là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và phát xít Nhật.
  - Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) khẳng định dứt khoát chủ trương "phải thay đổi chiến lược", không phải là cách mạng tư sản dân quyền giải quyết hai vấn đề phản đế và điền địa đồng thời, mà là "cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp: dân tộc giải phóng".
  - Quyền lợi của dân tộc được đặt trên hết, trên cả quyền lợi của bộ phận, của giai cấp. Nếu không giải quyết vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do thì toàn thể quốc gia dân tộc còn mãi kiếp nô lệ.

◦ Tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất" mà thay bằng khẩu hiệu "giảm tô, giảm tức", tiến tới "chia ruộng đất" của đế quốc và Việt gian cho dân cày nghèo một cách hợp lý.

• Thành lập Mặt trận Việt Minh để tập hợp lực lượng toàn dân tộc:

◦ Để thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Đảng chủ trương thành lập "Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội" (Việt Minh) vào tháng 5/1941.

◦ Mặt trận này sẽ tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, không phân biệt giai cấp, chính kiến, tôn giáo, miễn là yêu nước, chống Pháp - Nhật để cùng nhau đấu tranh giành độc lập, tự do. Đây là sự cụ thể hóa quan điểm đại đoàn kết dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.

• Chuẩn bị lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng:

◦ Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

◦ Đảng chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang (như đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân) và phát triển các căn cứ địa cách mạng (như Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn).

• Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân sau khi cách mạng thành công:

◦ Sau khi cách mạng thành công, Đảng chủ trương thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo tinh thần dân chủ, một hình thức nhà nước "của chung toàn dân tộc", không phải chính quyền Xô viết hay liên hiệp công nông.

• Điều chỉnh sách lược khi tình hình thay đổi (sau đảo chính Nhật - Pháp 3/1945):

◦ Sau khi Nhật đảo chính Pháp, Đảng nhanh chóng ra Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", chuyển khẩu hiệu đấu tranh từ "Đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp" sang "Đánh đuổi phát xít Nhật" và từ "thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương" sang "lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương để chống chính phủ thân Nhật". Khẩu hiệu cuối cùng là "Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân!".

\* Ý nghĩa lịch sử: Những chủ trương chiến lược mới này có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn:

• Chúng đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong, đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, phù hợp với nguyện vọng thiết tha của nhân dân.

• Đã tập hợp được lực lượng toàn dân tộc trong Mặt trận Việt Minh, tạo thành sức mạnh vĩ đại để tiến hành Tổng khởi nghĩa.

- Thể hiện sự sáng tạo và linh hoạt của Đảng trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam.
- Là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đưa Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, dân chủ, mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.

## **12. Anh/Chị hãy chứng minh: Nghị quyết của hội nghị Trung ương Tám (tháng 5 - 1941) đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong.**

### Lời giải:

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941), dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, là một bước ngoặt lịch sử quan trọng, đã giải quyết một cách đúng đắn và sáng tạo mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và dân chủ, giữa nhiệm vụ phản đế và phản phong trong cách mạng Việt Nam.

### Chứng minh:

1. Ưu tiên tuyệt đối nhiệm vụ giải phóng dân tộc (giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong):

- Hội nghị Trung ương 8 đã khẳng định dứt khoát nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách nhất của cách mạng Việt Nam. Điều này được thể hiện rõ qua nhận định rằng mâu thuẫn chủ yếu lúc bấy giờ là giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và phát xít Nhật.
- Hội nghị tuyên bố: "Trong lúc này quyền lợi dân tộc của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tồn, tồn vong của quốc gia, của dân tộc." Điều này có nghĩa là, nếu không giành được độc lập dân tộc, tự do cho toàn thể dân tộc thì mọi quyền lợi giai cấp, dân chủ đều không thể thực hiện được, thậm chí đến vạn năm cũng không đòi được.
- Việc này đã khắc phục triệt để hạn chế của Luận cương chính trị (10/1930), vốn coi vấn đề ruộng đất là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền và đặt nặng nhiệm vụ giai cấp. Nghị quyết đã chuyển hướng chiến lược, tập trung vào một nhiệm vụ cần kíp duy nhất là "dân tộc giải phóng".

2. Chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc (giải quyết đúng đắn nhiệm vụ phản đế):

- Để thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội (Việt Minh). Đây là một mặt trận rộng rãi, tập hợp mọi lực

lượng yêu nước, không phân biệt giai cấp, giàu nghèo, chính kiến, tôn giáo, miễn là có lòng yêu nước, chống Pháp - Nhật.

- Chủ trương này đã khai thác triệt để tinh thần dân tộc, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết chống kẻ thù chung là đế quốc xâm lược, phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ phản đế.

3. Điều chỉnh chính sách ruộng đất linh hoạt (giải quyết đúng đắn nhiệm vụ phản phong):

- Hội nghị đã điều chỉnh chính sách ruộng đất, tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất" mà thay bằng khẩu hiệu "giảm tô, giảm tức", tiến tới "chia ruộng đất" của đế quốc và Việt gian cho dân cày nghèo một cách hợp lý, nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ chống đế quốc.

- Việc này giúp tránh đẩy các tầng lớp địa chủ, tư sản bản xứ yêu nước về phía kẻ thù, giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân tộc để tập trung sức lực vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thay vì gây mâu thuẫn nội bộ quá sớm.

4. Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân sau thắng lợi (giải quyết đúng đắn vấn đề dân chủ):

- Hội nghị chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với một chính phủ "của chung toàn dân tộc", chứ không phải là chính quyền Xô viết hay chỉ của liên minh công nông.

- Điều này thể hiện nhận thức rằng vấn đề dân chủ sẽ được giải quyết từng bước, phù hợp với bối cảnh thực tiễn của một nước thuộc địa vừa giành độc lập, nhằm củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và chuẩn bị cho giai đoạn phát triển sau này.

Tóm tắt: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) là một bước ngoặt chiến lược, đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách nhất, gác lại nhiệm vụ cách mạng ruộng đất để tập trung mọi lực lượng vào cuộc đấu tranh chống đế quốc. Bằng việc thành lập Mặt trận Việt Minh và chủ trương chính quyền "của chung toàn dân tộc", Nghị quyết đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong, tạo cơ sở vững chắc cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945.

### **13. Anh/Chị hãy phân tích nội dung và ý nghĩa của Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngày 12/3/1945.**

Lời giải:

\* Chỉ thị nhận định: Nhận định về tình thế cách mạng, những điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi, vì Pháp tuy tan rã nhưng Nhật chưa hoang mang, do dự đến mức cực

điểm. Các tầng lớp trung gian chưa nghiêng hẳn về phía cách mạng. Đội tiên phong vẫn còn ở thời kỳ chuẩn bị, chưa sẵn sàng chiến đấu. Tuy nhiên những cơ hội tốt đang giúp cho những điều kiện khởi nghĩa mau chín muồi.

\* Chỉ thị xác định: Xác định kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt duy nhất của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật. Vì vậy khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật-Pháp” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật”. Hơn nữa để chống lại chính quyền của tay sai Nhật, chỉ thị đưa ra khẩu hiệu “Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương”.

\* Chỉ thị chủ trương: Phát động phong trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ. Hội nghị quyết định thay đổi mọi hình thức tuyên truyền đấu tranh cho thời kì mới-thời kì tiền khởi nghĩa như: tuyên truyền xung phong, biểu tình kháng Nhật, bãi công chính trị, phá kho thóc của Nhật để giải quyết nạn đói, đẩy mạnh xây dựng các đội tự vệ cứu quốc,... nhằm động viên và tập dượt quần chúng tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền.

\*Chỉ thị dự kiến: - Dự kiến những điều kiện thuận lợi để tiến hành tổng khởi nghĩa khi quân đồng minh kéo vào Đông Dương đánh Nhật, quân Nhật kéo ra mặt trận để ngăn cản quân đồng minh khiến phía sau sơ hở - Cũng có thể cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền cách mạng Nhật được thành lập, hoặc Nhật bị mất nước như Pháp năm 1940 và quân đội Nhật mất tinh thần

\* Phương châm chỉ thị: Không trông chờ vào điều kiện khách quan, phải luôn giữ quyền chủ động trong các cuộc tác chiến. Ngay từ bây giờ phát động du kích chiếm căn cứ địa, duy trì và mở rộng chiến tranh du kích là phương pháp duy nhất để chủ động trong việc đánh đuổi quân Nhật ra khỏi nước ta.

\* Ý nghĩa: Bản chỉ thị ngày 12 -3-1945 thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh với khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” thay cho khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật, Pháp” trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, trực tiếp dẫn đến thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

**14. Anh/Chị hãy chứng minh: Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng trong cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một quyết định đúng thời cơ.**

Lời giải:

Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng trong Cách mạng Tháng Tám 1945 là một quyết định đúng thời cơ vì nó đã nắm bắt được khoảng trống quyền lực và sự thay đổi mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước:

- Tình hình thế giới tạo thời cơ:
  - Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc vào tháng 8/1945. Phát xít Đức và Ý đã bị đánh bại, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản và tấn công quân Nhật ở Mãn Châu (Trung Quốc).
  - Mỹ thả bom nguyên tử xuống Hiroshima (6/8/1945) và Nagasaki (9/8/1945).
  - Chính phủ Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh vào ngày 15/8/1945, khiến quân Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu và chính quyền bù nhìn thân Nhật sụp đổ.
  - Điều này tạo ra một "cơ cách mạng xuất hiện" (nguyên văn là "cơ cách mạng xuất hiện").
  - Tuy nhiên, thời cơ giành chính quyền chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn, trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- Sự chuẩn bị và quyết định kịp thời của Đảng:
  - Ngày 12/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa Khu giải phóng đã ban hành "Quân lệnh số 1", hiệu triệu Tổng khởi nghĩa trong cả nước.
  - Ngày 13 và 14/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng được triệu tập tại Tân Trào (Tuyên Quang), dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh. Hội nghị đã:
    - Phân tích tình hình và nhận định rằng con đường giành độc lập cho nhân dân Đông Dương là giải phóng dân tộc, không còn phải đối phó với cả Pháp và Nhật.
    - Chuyển đổi chiến lược: Đổi chiến lược từ "cách mạng tư sản dân quyền" sang "cách mạng giải phóng dân tộc", đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất" được gác lại, thay bằng các khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật", "chia ruộng đất cho dân cày", v.v..
    - Quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
    - Đề ra ba nguyên tắc chỉ đạo Tổng khởi nghĩa: tập trung, thống nhất và kịp thời. Đặc biệt nhấn mạnh sự kịp thời để không bỏ lỡ thời cơ.
  - Ngay sau đó, ngày 16/8/1945, Đại hội Quốc dân tại Tân Trào đã tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa của Đảng và thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi đồng bào cả nước "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!".



◦ Nhờ sự lãnh đạo kịp thời và chính xác của Đảng, nhân dân cả nước đã nhanh chóng nổi dậy giành chính quyền. Nhiều địa phương đã giành chính quyền từ ngày 14/8/1945.

Quyết định của Đảng vào tháng 8/1945 đã khai thác triệt để "khoảng trống quyền lực" do sự sụp đổ của Nhật Bản và trước khi các lực lượng Đồng minh (Trung Hoa Dân Quốc và Anh) đổ bộ vào Việt Nam để giải giáp quân Nhật. Điều này cho thấy sự nhạy bén và quyết đoán chiến lược của Đảng, biến thời cơ "ngàn năm có một" thành hiện thực thắng lợi.

### **15. Anh/Chị hãy chứng minh: tính cách mạng giải phóng dân tộc điển hình và tính dân chủ được thể hiện trong cách mạng tháng Tám năm 1945.**

#### Lời giải:

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng mang tính chất cách mạng giải phóng dân tộc điển hình và có tính dân chủ mới.

#### **a. Tính cách mạng giải phóng dân tộc điển hình:**

- Mục tiêu hàng đầu là giải phóng dân tộc: Cuộc cách mạng tập trung hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm là giải phóng dân tộc, đưa Việt Nam thoát khỏi ách đô hộ của đế quốc, trở thành một quốc gia độc lập và tự do. Nó giải quyết mâu thuẫn chủ yếu giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai.
- Giải phóng toàn diện: Cách mạng Tháng Tám đã giải phóng nhân dân Việt Nam khỏi mọi sự áp bức về mặt dân tộc, bóc lột về mặt giai cấp và nô dịch về mặt tinh thần.
- Đập tan xiềng xích nô lệ và chế độ phong kiến: Cuộc cách mạng đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế hàng nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.
- Khẳng định vị thế quốc gia: Việt Nam trở thành một quốc gia độc lập, chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho các mục tiêu cao cả là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.
- Là thắng lợi đầu tiên của một nước thuộc địa: Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi đầu tiên của một nước thuộc địa giành được độc lập, phá tan một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ.

- Góp phần vào lý luận Mác-Lênin: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc, chứng tỏ rằng một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa trước khi giai cấp công nhân ở "chính quốc" lên nắm quyền.

b. Tính dân chủ được thể hiện:

- Chính quyền của toàn dân tộc: Cách mạng Tháng Tám 1945 mang tính chất "dân chủ mới". Nó thành lập chính quyền nhà nước "của chung toàn dân tộc", là một nền cộng hòa dân chủ. Chính quyền này loại trừ đế quốc và một bộ phận phong kiến phản động.
- Quyền tham gia chính quyền rộng rãi: "Ai là người dân sống trên đất Việt Nam này đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy".
- Giải quyết quyền lợi cho nông dân: Cuộc cách mạng đã giải quyết một số quyền lợi cho nông dân - lực lượng đông đảo nhất trong dân tộc - thông qua việc tịch thu đất của Pháp và Việt gian, giảm tô 25%, bãi bỏ một số sưu thuế phong kiến.
- Xóa bỏ chế độ phong kiến và quyền tự do, dân chủ: Chính quyền nhân dân đầu tiên ở Việt Nam được thành lập, chế độ phong kiến được bãi bỏ, và các tầng lớp nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ.

Tóm lại, Cách mạng Tháng Tám 1945 là một minh chứng hùng hồn cho sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố giải phóng dân tộc và dân chủ, tạo nền tảng cho sự phát triển của Việt Nam trên con đường độc lập và xã hội chủ nghĩa

## CHƯƠNG 2

# ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

**1. Anh/Chị hãy phân tích tình thế “Ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 và chủ trương, sách lược của Đảng giải quyết tình thế khó khăn trên.**

Lời giải:

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa giành độc lập phải đối mặt với tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", đầy rẫy những khó khăn và thách thức nghiêm trọng từ cả bên trong và bên ngoài.

a. Tình thế “Ngàn cân treo sợi tóc”:

• Thù trong:

◦ Quân Tưởng Giới Thạch và tay sai: Theo quyết định của Hội nghị Potsdam (7/1945), hơn 20 vạn quân Trung Hoa Dân Quốc (Tưởng Giới Thạch) đã kéo vào miền Bắc Việt Nam (từ vĩ tuyến 16 trở ra) để giải giáp quân Nhật. Cùng với quân Tưởng là lực lượng tay sai phản động như Việt Quốc, Việt Cách, âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng.

◦ Chính quyền non trẻ và tàn dư chế độ cũ: Chính quyền cách mạng mới thành lập còn non trẻ, thiếu kinh nghiệm, thiếu thốn về mọi mặt. Hậu quả nặng nề của chế độ cũ để lại là nền kinh tế kiệt quệ, nông nghiệp hoang hóa (50% ruộng đất bị bỏ hoang), ngân sách trống rỗng, và 95% dân số bị nạn mù chữ. Nạn đói năm 1944-1945 đã khiến khoảng 2 triệu người chết đói. Các tệ nạn xã hội vẫn còn phổ biến.

• Giặc ngoài:

◦ Quân Anh và Pháp ở miền Nam: Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, 2 vạn quân Anh vào giải giáp quân Nhật. Quân Anh đã trực tiếp bảo trợ và sử dụng lại quân Nhật để ngăn chặn, đàn áp phong trào cách mạng. Đáng chú ý, ngày 23/9/1945, quân Pháp được sự giúp đỡ của quân Anh và Nhật đã trắng trợn nổ súng đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Pháp nuôi âm mưu quay trở lại thống trị Đông Dương.

◦ Quân Nhật: Vẫn còn khoảng 6 vạn quân Nhật đang chờ được giải giáp trên toàn quốc.

◦ Sự bao vây, cô lập của đế quốc: Việt Nam bị bao vây, cô lập hoàn toàn về mặt ngoại giao bởi các nước đế quốc lớn vì lợi ích cục bộ của họ không ủng hộ lập trường độc lập và công nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đế quốc Mỹ nuôi âm mưu "chia lại hệ thống thuộc địa thế giới".

b. Chủ trương, sách lược của Đảng giải quyết tình thế khó khăn: Để giải quyết tình thế hiểm nghèo này, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những chủ trương và sách lược đúng đắn, linh hoạt:

- Xác định kẻ thù chính và nhiệm vụ cấp bách:

- Ngay từ ngày 3/9/1945, Chính phủ lâm thời đã xác định ba nhiệm vụ lớn và cấp bách là diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm.

- Ngày 25/11/1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc". Chỉ thị này phân tích sâu sắc tình hình, khẳng định kẻ thù chính lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Nhiệm vụ cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là "dân tộc giải phóng", với khẩu hiệu "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết".

- Chủ trương đối nội:

- Xây dựng và củng cố chính quyền: Phát động Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Ngày 6/1/1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I đã diễn ra thắng lợi với 89% cử tri tham gia, bầu ra 333 đại biểu. Ngày 2/3/1946, Quốc hội thành lập Chính phủ chính thức, khẳng định tính hợp pháp, hợp hiến của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Giải quyết nạn đói: Phát động phong trào "Hũ gạo cứu đói", "Tăng gia sản xuất". Tịch thu đất của Pháp và Việt gian chia cho nông dân nghèo, giảm tô 25%, bãi bỏ các loại thuế thân, thuế chợ. Nạn đói về cơ bản đã được đẩy lùi vào đầu năm 1946.

- Giải quyết nạn dốt: Phát động phong trào "Bình dân học vụ" nhằm xóa bỏ nạn mù chữ. Hơn 2,5 triệu người đã biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ vào cuối năm 1946.

- Xây dựng đời sống mới: Xóa bỏ các hủ tục, tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn minh, tiến bộ.

- Chủ trương đối ngoại (sách lược "hòa để tiến" - "nhân nhượng có nguyên tắc"):

- Với Tưởng Giới Thạch: Để tránh cùng lúc đối phó với nhiều kẻ thù mạnh, Đảng đã chủ trương hòa hoãn với quân Tưởng. Nhân nhượng về chính trị như cho Việt Quốc, Việt Cách (tay sai Tưởng) một số ghế trong Quốc hội không qua bầu cử, tham gia Chính phủ liên hiệp. Đổi lại, quân Tưởng phải rút về nước.

◦ Với Pháp: Áp dụng sách lược "hòa để tiến" và "nhân nhượng có nguyên tắc". Ký Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 với Pháp, theo đó Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do có chính phủ, nghị viện, tài chính và quân đội riêng nằm trong Liên bang Đông Dương. Việt Nam đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng và rút dần trong 5 năm. Việc này giúp loại bỏ một kẻ thù nguy hiểm (Tưởng) và có thêm thời gian hòa bình để củng cố lực lượng. Tiếp tục đấu tranh ngoại giao, ký Tạm ước 14/9/1946 để tránh cuộc chiến tranh toàn diện với Pháp khi vòng đàm phán chính thức bế tắc.

• Đảng rút vào hoạt động bí mật: Để bảo toàn lực lượng và tránh các mũi nhọn tấn công của kẻ thù, Đảng Cộng sản Đông Dương đã tự giải tán (trên thực tế là rút vào hoạt động bí mật với danh nghĩa Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương) từ ngày 11/11/1945.

Nhờ những chủ trương, sách lược đúng đắn và kịp thời, Đảng đã đưa cách mạng Việt Nam vượt qua tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", giữ vững chính quyền cách mạng, tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến chống Pháp sau này.

## **2. Theo anh/chị, trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam cần phát huy bài học kinh nghiệm gì từ sách lược ngoại giao của Đảng thời kỳ 1945-1946?**

### Lời giải:

Sách lược ngoại giao của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn 1945-1946, đặc biệt là chủ trương "hòa để tiến", "nhân nhượng có nguyên tắc", là một bài học kinh nghiệm quý báu cho công tác đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Từ các nguồn đã cho, có thể rút ra một số bài học sau:

• Độc lập, tự chủ trong hoạch định đường lối đối ngoại, đặt lợi ích dân tộc lên hàng đầu: Sách lược 1945-1946 đã chứng tỏ sự kiên quyết bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc là mục tiêu tối thượng. Mọi hành động ngoại giao đều phải xuất phát từ lợi ích quốc gia, dân tộc, đảm bảo chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam cần tiếp tục giữ vững nguyên tắc này trong quan hệ với các nước lớn và các đối tác, không phụ thuộc vào bất kỳ cường quốc nào.

• Linh hoạt, mềm dẻo, chủ động trong sách lược nhưng kiên định về nguyên tắc chiến lược: Đảng đã thể hiện sự nhạy bén, khôn khéo khi thay đổi sách lược (từ chống cả Pháp lẫn Nhật sang chỉ chống Nhật, rồi hòa hoãn với Tưởng để tập trung đối phó Pháp, và sau đó ký kết Hiệp định Sơ bộ với Pháp để tránh đối đầu cùng lúc nhiều kẻ thù và có thời gian củng cố lực lượng). Điều này cho thấy sự linh hoạt chiến lược, sẵn sàng nhân nhượng khi cần thiết để đạt được mục tiêu lớn hơn. Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam

cần tiếp tục vận dụng linh hoạt các hình thức hợp tác, đối thoại, tránh đối đầu trực diện không cần thiết, nhưng không bao giờ từ bỏ các nguyên tắc cơ bản về độc lập, chủ quyền.

- Tận dụng tối đa mọi thời cơ và điều kiện quốc tế thuận lợi: Đảng đã rất nhạy bén khi nắm bắt "khoảng trống quyền lực" sau khi Nhật Bản đầu hàng, và sau đó tận dụng mâu thuẫn giữa các cường quốc để tìm kiếm lợi ích cho đất nước. (Lưu ý: Thông tin về "khoảng trống quyền lực" và "tận dụng mâu thuẫn giữa các cường quốc" không hoàn toàn nằm trong các nguồn được cung cấp trực tiếp cho câu hỏi này, nhưng được suy luận từ câu 14 và 15, và là bối cảnh chung của giai đoạn này. Tôi sẽ làm rõ đây là suy luận). Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, Việt Nam cần chủ động tham gia vào các cơ chế đa phương, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại: Thành công của Cách mạng Tháng Tám và giai đoạn 1945-1946 cho thấy sự lãnh đạo của Đảng đã biết dựa vào sức mạnh của toàn dân tộc (khởi đại đoàn kết) đồng thời tranh thủ sự thay đổi của tình hình thế giới. Trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phát huy sức mạnh nội lực đồng thời tăng cường hội nhập quốc tế để nâng cao vị thế và sức ảnh hưởng của đất nước là bài học có giá trị.

- Ngoại giao phục vụ phát triển đất nước: Dù trong bối cảnh chiến tranh cận kề, Đảng vẫn chú trọng các nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, như diệt giặc đói, giặc dốt. Điều này cho thấy ngoại giao không chỉ phục vụ mục tiêu đấu tranh mà còn tạo môi trường thuận lợi cho xây dựng và phát triển. Trong giai đoạn hiện nay, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, và ngoại giao đa phương cần tiếp tục được đẩy mạnh để phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

### **3. Anh/Chị hãy phân tích nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951) để làm rõ đây là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt.**

#### Lời giải:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng diễn ra từ ngày 11 đến 19/2/1951 tại xã Vinh Quang (nay là Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, dưới bối cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra ác liệt và các phong trào cách mạng ở Lào, Campuchia cũng có những chuyển biến tích cực. Đại hội này được xem là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt:

a. Nội dung cơ bản của Đại hội:

- **Đổi tên Đảng và ý nghĩa quốc tế:** Đại hội đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam. Đây là một quyết định mang ý nghĩa quan trọng, thể hiện sự phát triển mới của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, nó cũng công nhận sự phát triển độc lập của cách mạng Lào và Campuchia, phù hợp với xu thế phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Dương, tạo điều kiện cho các đảng cộng sản ở Lào và Campuchia được thành lập.
- **Thông qua Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh:** Báo cáo này đã tổng kết kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam trong hơn 21 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ khi thành lập đến Đại hội. Báo cáo đã phân tích sâu sắc những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng Việt Nam, đặc biệt là về tính chất xã hội, đối tượng và nhiệm vụ của cách mạng.
- **Thông qua Báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" của Tổng Bí thư Trường Chinh:** Báo cáo này đã vạch rõ:
  - **Tính chất xã hội Việt Nam:** Là một xã hội có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến.
  - **Đối tượng đấu tranh:** Cách mạng Việt Nam hiện nay là cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp, can thiệp Mỹ và phong kiến phản động.
  - **Nhiệm vụ cách mạng:** Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc. Báo cáo nhấn mạnh hai nhiệm vụ này có quan hệ khăng khít: "đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái ách dân tộc, giành được độc lập thật sự; mà phá tan chế độ phong kiến mới giành được ruộng đất cho dân cày".
  - **Động lực cách mạng:** Bao gồm bốn giai cấp cơ bản: công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, cùng với một số nhân sĩ (thân sĩ, địa hào).
  - **Triển vọng phát triển:** Cách mạng Việt Nam là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, do Đảng lãnh đạo, và sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- **Thông qua 15 chính sách lớn của Đảng:** Nhằm đẩy mạnh kháng chiến và xây dựng cơ sở kiến thiết quốc gia, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- **Thông qua Điều lệ mới của Đảng:** Điều lệ xác định rõ mục đích và tôn chỉ của Đảng là "phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam". Đồng thời, Điều lệ cũng quy định rõ ràng quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc là một.

- Bầu Ban Chấp hành Trung ương mới: Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng và đồng chí Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư.

b. Ý nghĩa là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt:

- Về lý luận và đường lối: Đại hội đã hoàn thiện đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tiễn và xu thế phát triển của thời đại. Đặc biệt là sự phân công chiến lược rõ ràng cho hai miền: miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Điều này cho thấy sự trưởng thành về tư duy lý luận của Đảng.

- Về tổ chức: Việc đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam và việc thành lập các đảng riêng biệt ở Lào, Campuchia thể hiện sự phát triển trong nhận thức về vai trò lãnh đạo và sự trưởng thành của các phong trào cách mạng ở mỗi nước. Điều này khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, là tổ chức duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Về lãnh đạo thực tiễn: Đại hội đã tổng kết một giai đoạn lịch sử quan trọng, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho sự lãnh đạo của Đảng. Các quyết sách của Đại hội đã định hướng rõ ràng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi hoàn toàn và tạo tiền đề cho công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc sau này.

Tóm lại, Đại hội II là một Đại hội "kháng chiến kiến quốc", đã đánh dấu một bước phát triển vượt bậc của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và khẳng định vị thế của Đảng trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

#### **4. Anh/Chị hãy phân tích những thuận lợi, khó khăn của tình hình quốc tế và trong nước sau ngày ký Hiệp định Giơnevơ năm (7-1954). Tình hình trên đặt ra yêu cầu bức thiết gì?**

Lời giải:

Sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết vào tháng 7/1954, lịch sử Việt Nam bước sang một giai đoạn mới với cả những thuận lợi cơ bản và những khó khăn, thách thức to lớn.

a. Thuận lợi:

- Từ tình hình quốc tế:



- Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc, phe phát xít bị đánh bại.
- Liên Xô và các nước Đông Âu đã trở thành trụ cột của chủ nghĩa xã hội, được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô và các nước đó đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội.
- Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, bán thuộc địa tại châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh đang dâng cao mạnh mẽ. Điều này tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho Việt Nam.
- Từ tình hình trong nước:
  - Việt Nam đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, nhân dân từ thân phận nô lệ đã vươn lên địa vị người chủ đất nước.
  - Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Lao động Việt Nam) từ một tổ chức hoạt động bí mật đã trở thành Đảng cầm quyền.
  - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành biểu tượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
  - Hệ thống chính quyền cách mạng các cấp đã được hình thành và củng cố.
  - Quân đội quốc gia, lực lượng công an, và hệ thống pháp luật của chính quyền cách mạng được tăng cường, phát huy vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước.

#### b. Khó khăn:

- Từ tình hình quốc tế:
  - Âm mưu của đế quốc Mỹ: Đế quốc Mỹ đã nuôi âm mưu mới là "chia lại hệ thống thuộc địa thế giới" và tăng cường can thiệp vào Đông Dương.
  - Bị bao vây, cô lập: Việt Nam vẫn nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc và bị bao vây, cô lập hoàn toàn từ thế giới bên ngoài.
  - Lợi ích cục bộ của các nước lớn: Các nước lớn vì lợi ích cục bộ của mình đã không ủng hộ lập trường độc lập và công nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
  - Thách thức lớn cho Đông Dương: Cách mạng ba nước Đông Dương nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng phải đối mặt với nhiều bất lợi, khó khăn và thử thách hết sức to lớn.
- Từ tình hình trong nước:

- Chính quyền non trẻ: Hệ thống chính quyền cách mạng còn non trẻ, còn nhiều thiếu thốn và chưa được kiện toàn một cách triệt để.
  - Hậu quả chiến tranh và chế độ cũ: Đất nước bị tàn phá nặng nề sau chiến tranh và hàng thế kỷ phong kiến, thực dân. Kinh tế xơ xác, tiêu điều, nông nghiệp hoang hóa (50% ruộng đất bị bỏ hoang), tài chính kiệt quệ, ngân sách trống rỗng, kho bạc trống rỗng. Các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn, và nạn mù chữ vẫn còn phổ biến.
  - Âm mưu của Pháp: Thách thức lớn nhất, nghiêm trọng nhất lúc này là âm mưu quay trở lại thống trị Việt Nam một lần nữa của thực dân Pháp, thể hiện rõ qua việc chúng nổ súng vào cuộc mít tinh mừng độc lập tại Sài Gòn - Chợ Lớn ngày 2/9/1945.
  - Sự hiện diện của quân Nhật: Vẫn còn khoảng 6 vạn quân Nhật chưa được giải giáp.
- c. Yêu cầu bức thiết: Tình hình quốc tế và trong nước sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đã đặt ra yêu cầu bức thiết cho Đảng là phải có một đường lối chiến lược đúng đắn và phù hợp với tình hình mới của đất nước và xu thế phát triển chung của thời đại. Cụ thể, Đảng phải lãnh đạo nhân dân cả nước đấu tranh để thực hiện thống nhất, độc lập, hòa bình, bảo vệ vững chắc miền Bắc đã được giải phóng và tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

## **5. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ quá trình Đảng lãnh đạo chuyển hướng cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 – 1960).**

### Lời giải:

Quá trình Đảng lãnh đạo chuyển hướng cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 – 1960) được thể hiện rõ qua các giai đoạn và quyết sách quan trọng:

- Giai đoạn giữ gìn lực lượng (1954 - trước 1959):
  - Sau Hiệp định Giơnevơ (7/1954), nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng miền Nam được Bộ Chính trị xác định trong Nghị quyết tháng 9/1954 và Chỉ thị tháng 10/1954 là đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ và chuyển hướng công tác cho phù hợp với điều kiện mới.
  - Mục tiêu là tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình, thống nhất, độc lập để đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

- Trong giai đoạn này, Đảng chủ trương đấu tranh chính trị công khai, đồng thời bí mật tổ chức, củng cố lực lượng cách mạng.

- Chuyển hướng chiến lược và thế tiến công (từ 1959):

- Bối cảnh thay đổi do chính sách đàn áp khốc liệt của Mỹ - Diệm ở miền Nam, đặc biệt là việc ban hành Luật 10/59 (tháng 3/1959), đã đưa cuộc đấu tranh cách mạng miền Nam vào tình thế mới, buộc Đảng phải có sự chuyển hướng quyết liệt.

- Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương (mở rộng) tháng 1/1959 đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử. Nghị quyết Hội nghị đã xác định tính chất cơ bản của cách mạng miền Nam là tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, và con đường phát triển là sử dụng bạo lực cách mạng (kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang) để giành chính quyền. Nghị quyết này đã mở đường cho phong trào "Đồng Khởi".

- Thực hiện Nghị quyết 15, phong trào Đồng Khởi bùng nổ mạnh mẽ, tiêu biểu là cuộc Đồng Khởi ở Bến Tre vào tháng 1/1960, do đồng chí Nguyễn Thị Định lãnh đạo. Phong trào này đã nhanh chóng lan rộng, phá vỡ từng mảng kìm kẹp của địch ở nông thôn và thành lập chính quyền cách mạng ở nhiều xã.

- Ý nghĩa lịch sử: Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi là một bước nhảy vọt có ý nghĩa lịch sử của cách mạng miền Nam. Nó đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ hình thức đấu tranh chính trị đơn thuần sang kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đánh dấu sự thất bại bước đầu của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ

## **6. Anh/Chị hãy phân tích nội dung Đại hội III (tháng 9-1960) để làm sáng tỏ đây là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà.**

### Lời giải:

Đại hội III của Đảng (tháng 9-1960) là một sự kiện lịch sử trọng đại, đã làm sáng tỏ đường lối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất đất nước được nhấn mạnh rõ ràng:

- Tên gọi và mục tiêu của Đại hội:

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được tổ chức vào tháng 9/1960 tại Hà Nội.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Diễn văn khai mạc đã khẳng định rõ: "Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà".

- Nội dung đường lối cách mạng chung:

- Đại hội đã xác định đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền:

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc: Đây là nhiệm vụ nhằm xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa cách mạng cho cả nước, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau. Miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

- Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam: Nhiệm vụ của miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà. Miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng của mình.

- Mục tiêu và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc:

- Đại hội đã đề ra chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội mà không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

- Đảng chủ trương sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân để thực hiện nhiệm vụ lịch sử của chuyển biến sở hữu cá thể thành sở hữu tập thể và sở hữu toàn dân, phát triển kinh tế quốc doanh; thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật; biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa với công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

- Đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà:

- Đại hội đã kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước cũng như xu thế hòa bình thế giới.

- Tuy nhiên, Đại hội cũng nhấn mạnh rằng toàn dân phải luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó với mọi tình thế, nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây chiến tranh xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng.

- Ý nghĩa: Đại hội III đã đề ra đường lối chung đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, phù hợp với cả miền Bắc và miền Nam, và phù hợp với tình hình quốc tế. Đường lối này là "ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội", tạo ra sức mạnh tổng

hợp đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là một sự kiện có ý nghĩa to lớn trong lịch sử phát triển của dân tộc.

**7. Anh/Chị hãy phân tích nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng tại Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) và rút ra ý nghĩa lịch sử.**

Lời giải:

// giáo trình không có

Hội nghị Trung ương 11 (tháng 3/1965) và Hội nghị Trung ương 12 (tháng 12/1965) của Đảng đã đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thể hiện quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đường lối này tập trung vào việc động viên lực lượng cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, đồng thời nhấn mạnh kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.

\* Hội nghị Trung ương 11 (3/1965):

Đây là hội nghị diễn ra trong bối cảnh Mỹ tăng cường chiến tranh đặc biệt và bắt đầu chiến tranh cục bộ ở miền Nam. Hội nghị đã đánh giá đúng tình hình, khẳng định tính chất cuộc chiến tranh của Mỹ ở miền Nam vẫn là chiến tranh xâm lược thực dân mới, mặc dù có sự thay đổi về lực lượng và hình thức. Hội nghị xác định:

- Quyết tâm chiến lược: Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào.
- Nhiệm vụ: Vừa chiến đấu chống Mỹ, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời tăng cường chi viện cho miền Nam.
- Phương châm: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", "Tiến công và nổi dậy", "Cả nước cùng đánh", "Đánh lâu dài".

\* Hội nghị Trung ương 12 (12/1965):

Hội nghị tiếp tục khẳng định và bổ sung, phát triển đường lối của Hội nghị Trung ương 11, đặc biệt nhấn mạnh:

- Tăng cường lực lượng cho miền Bắc: Xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, đảm bảo chi viện đắc lực cho miền Nam.

- Mở rộng mặt trận đối ngoại: Tăng cường quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

- Kết hợp chặt chẽ ba mặt trận: Quân sự, chính trị và ngoại giao.

\* Ý nghĩa lịch sử:

- Khẳng định đường lối đúng đắn:

Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng được xác định tại hai hội nghị này đã thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, đáp ứng được yêu cầu khách quan của cuộc kháng chiến.

- Tạo nên sức mạnh tổng hợp:

Đường lối đã huy động được sức mạnh của toàn dân, toàn quân, kết hợp sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh của dân tộc và thời đại, tạo nên sức mạnh vô địch đánh thắng mọi kẻ thù.

- Góp phần vào thắng lợi chung:

Đường lối này là cơ sở để Đảng lãnh đạo nhân dân ta đi đến thắng lợi cuối cùng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Bài học kinh nghiệm:

Bài học về đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng là bài học vô giá, là cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng ta tiếp tục lãnh đạo cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

**8. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc (1965-1968). Trình bày kết quả và ý nghĩa lịch sử.**

Lời giải:

Chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ (1965-1968) là một giai đoạn khốc liệt, đặt miền Bắc vào thử thách cam go. Trước tình hình đó, Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra chủ trương chiến lược đúng đắn, thể hiện sự kiên định và linh hoạt, biến miền Bắc thành hậu phương vững chắc chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam, đồng thời trực tiếp đánh bại âm mưu của kẻ thù.

\* Chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc (1965-1968)

Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân ra miền Bắc Việt Nam (chiến tranh phá hoại lần thứ nhất), Đảng Lao động Việt Nam đã xác định rõ nhiệm vụ chiến lược kép cho miền Bắc: vừa phải trực tiếp chiến đấu và đánh bại chiến tranh phá hoại của Mỹ, vừa phải xây dựng vững chắc hậu phương xã hội chủ nghĩa và làm tròn nghĩa vụ chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Chủ trương của Đảng được thể hiện qua các điểm chính:

- Chuyển đổi mọi hoạt động sang thời chiến: Toàn bộ miền Bắc được đặt trong tình trạng chiến tranh. Các cơ quan, nhà máy, trường học, bệnh viện được sơ tán, phân tán để giảm thiểu thiệt hại.
- Vừa chiến đấu, vừa sản xuất: Đây là phương châm bao trùm.
- + Trong chiến đấu: Xây dựng thế trận phòng không nhân dân rộng khắp, bao gồm các lực lượng phòng không chuyên trách (tên lửa, máy bay MiG) và lực lượng dân quân tự vệ, nhằm đánh trả hiệu quả các cuộc không kích của Mỹ.
- + Trong sản xuất: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế, trọng tâm là nông nghiệp để đảm bảo lương thực, thực phẩm; duy trì và phát triển công nghiệp phục vụ quốc phòng và đời sống. Đặc biệt chú trọng giữ vững và bảo đảm thông suốt mạng lưới giao thông vận tải (đường bộ, đường sắt, đường sông) để phục vụ chi viện cho miền Nam.
- + Tăng cường tiềm lực quốc phòng: Nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang ba thứ quân. Thực hiện quân sự hóa toàn dân, mỗi người dân là một chiến sĩ trên mặt trận sản xuất và chiến đấu.
- + Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn với miền Nam: Đây là nhiệm vụ thiêng liêng và quan trọng nhất. Miền Bắc đã dốc toàn bộ sức lực, trí tuệ để chi viện tối đa cho miền Nam về sức người (cán bộ, bộ đội, thanh niên xung phong) và vật chất (vũ khí, đạn dược, lương thực, thuốc men), thông qua các tuyến vận tải chiến lược trên bộ và trên biển.

\* Kết quả và ý nghĩa lịch sử

Chủ trương đúng đắn của Đảng cùng với sự nỗ lực phi thường của toàn dân tộc đã mang lại những kết quả và ý nghĩa lịch sử to lớn:

- Kết quả:

- + Đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ: Quân và dân miền Bắc đã lập nên kỳ tích, bắn rơi hơn 3.200 máy bay Mỹ, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn phi công,

làm phá sản âm mưu dùng không quân để khuất phục Việt Nam của Mỹ. Ngày 1/11/1968, Mỹ buộc phải ngừng ném bom hoàn toàn miền Bắc.

+ Giữ vững và phát triển tiềm lực kinh tế - quốc phòng: Dù phải đối mặt với chiến tranh ác liệt, kinh tế miền Bắc vẫn được duy trì, phát triển theo hướng phục vụ chiến tranh.

Giao thông vận tải không ngừng được củng cố, đảm bảo huyết mạch chi viện.

+ Hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ hậu phương lớn: Miền Bắc đã chi viện kịp thời, đầy đủ cho miền Nam, góp phần quyết định vào thắng lợi của quân và dân miền Nam trong việc đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ, đặc biệt là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

- Ý nghĩa lịch sử:

+ Khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng: Chủ trương của Đảng đã thể hiện sự sáng tạo, linh hoạt trong việc kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và bảo vệ, giữa tiền tuyến và hậu phương.

+ Phá sản âm mưu chiến lược của Mỹ: Buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược, ngồi vào bàn đàm phán Paris, chứng tỏ ý chí và khả năng kháng chiến của Việt Nam là không thể bị bẻ gãy.

+ Tạo thế và lực cho cách mạng miền Nam: Miền Bắc vững mạnh là điểm tựa vững chắc, cung cấp nguồn lực dồi dào, tạo điều kiện thuận lợi để cách mạng miền Nam tiếp tục tiến công và giành thắng lợi.

+ Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân: Trong gian khổ, ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" và tinh thần "Vì miền Nam ruột thịt" đã gắn kết toàn dân tộc thành một khối thống nhất, tạo nên sức mạnh vĩ đại.

Giai đoạn 1965-1968 là minh chứng rõ nét cho sức mạnh của chiến tranh nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng, góp phần quan trọng vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

**9. Anh/chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này.**

Lời giải:



Mỹ can thiệp trực tiếp vào miền Nam Việt Nam với chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965-1968), nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, quân dân miền Nam đã kiên cường chiến đấu và giành thắng lợi vang dội.

\* Quá trình đánh bại "Chiến tranh cục bộ"

Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ bao gồm việc đưa quân viễn chinh Mỹ và quân đồng minh trực tiếp tham chiến, kết hợp với quân đội Sài Gòn, nhằm nhanh chóng tiêu diệt lực lượng chủ lực của ta và bình định miền Nam. Đáp lại, Đảng đã lãnh đạo quân dân miền Nam triển khai cuộc chiến tranh nhân dân toàn diện, linh hoạt trên mọi mặt trận:

- Đánh bại hai mùa khô phản công chiến lược của Mỹ (1965-1967):

+ Trận Vạn Tường (tháng 8/1965): Ngay khi Mỹ đổ quân vào miền Nam, Đảng chỉ đạo quân dân Quảng Ngãi chủ động đánh trả. Thắng lợi Vạn Tường là trận mở màn đánh Mỹ của quân Giải phóng, chứng tỏ ta có khả năng đánh bại quân Mỹ, tương tự như ý nghĩa của trận Ấp Bắc trước đó.

+ Mùa khô 1965-1966: Mỹ huy động lực lượng lớn mở cuộc phản công quy mô lớn vào Đông Nam Bộ và Liên khu V. Dưới sự chỉ đạo của Đảng, quân dân miền Nam kiên cường bám trụ, đánh địch khắp nơi, tiêu hao sinh lực địch, làm thất bại kế hoạch "tìm diệt" và "bình định" của Mỹ (ví dụ: Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Ia Drăng).

+ Mùa khô 1966-1967: Mỹ tiếp tục tăng quân và mở cuộc phản công lớn hơn (như các chiến dịch "Cedar Falls" vào Củ Chi, "Junction City" vào Tây Ninh). Quân dân miền Nam tiếp tục phát huy lối đánh linh hoạt, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, bẻ gãy các mũi tiến công của Mỹ.

+ Đấu tranh chính trị và phá "áp chiến lược": Song song với đấu tranh vũ trang, các phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ở đô thị (Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng) đòi Mỹ rút quân, đòi dân chủ phát triển mạnh mẽ. Ở nông thôn, phong trào phá "áp chiến lược" diễn ra sôi nổi, giành quyền làm chủ cho nhân dân.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968:

+ Chủ trương của Đảng: Từ cuối năm 1967, nhận định Mỹ đang ở thế bị động, Đảng đã quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt trên toàn miền Nam vào dịp Tết Mậu Thân 1968. Mục tiêu là giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh và đàm phán.

+ Diễn biến: Đêm 30 rạng sáng 31/1/1968, quân và dân miền Nam đồng loạt tiến công vào hơn 100 đô thị, thị xã, thị trấn, các căn cứ quân sự và mục tiêu trọng yếu của địch

(Đại sứ quán Mỹ, Dinh Độc Lập ở Sài Gòn...). Cùng với tiến công quân sự, nhân dân ở các đô thị và vùng ven nổi dậy giành quyền làm chủ.

+ Kết quả: Cuộc Tổng tiến công tuy không đạt được mục tiêu giành thắng lợi quyết định ngay lập tức, nhưng đã giáng một đòn chí tử vào "Chiến tranh cục bộ". Mỹ không thể thắng bằng quân sự, buộc Tổng thống Johnson phải tuyên bố ngừng ném bom hoàn toàn miền Bắc, nhận ngồi vào bàn đàm phán Paris, và không tái tranh cử. Điều này đánh dấu sự phá sản của chiến lược "Chiến tranh cục bộ".

\* Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này

Sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn 1965-1968 là sáng suốt, linh hoạt và có tầm nhìn chiến lược, thể hiện qua:

- Nhận định đúng tình hình: Đảng đã phân tích chính xác bản chất và âm mưu của "Chiến tranh cục bộ", nhận thấy điểm yếu của Mỹ dù chúng có sức mạnh quân sự vượt trội.

- Đề ra đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo:

+ Chủ động tiến công: Thay vì bị động phòng ngự, Đảng đã chỉ đạo quân dân ta chủ động tấn công, giành thế chủ động trên chiến trường ngay từ đầu.

+ Phát huy chiến tranh nhân dân: Đảng lãnh đạo xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, kết hợp ba thứ quân và ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận), đánh địch trên mọi địa bàn.

+ Kết hợp đấu tranh vũ trang và chính trị: Đây là nét đặc sắc, tạo nên sức mạnh tổng hợp của cách mạng miền Nam.

- Quyết đoán trong chuyển hướng chiến lược: Quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là một quyết định táo bạo, chứa đựng rủi ro nhưng đã chứng minh tầm nhìn chiến lược của Đảng trong việc chọn thời cơ để giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của địch, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh.

- Phát huy vai trò hậu phương lớn miền Bắc: Sự lãnh đạo của Đảng đảm bảo miền Bắc vừa vững vàng chống chiến tranh phá hoại, vừa chi viện kịp thời, đầy đủ cho tiền tuyến, tạo sức mạnh tổng hợp cho toàn cuộc kháng chiến.

Sự chỉ đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của quân dân miền Nam trong việc đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ, mở ra một giai đoạn mới đầy triển vọng cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

**10. Anh/Chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này.**

Lời giải:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu, từng bước đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ (1969-1975) và giành lại độc lập, thống nhất Tổ quốc.

\* Quá trình Đảng lãnh đạo đánh bại "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969-1975)

"Việt Nam hóa chiến tranh" là chiến lược Mỹ rút quân dần nhưng tăng cường sức mạnh cho quân đội Sài Gòn để chúng tự gánh vác chiến tranh. Đảng đã kiên định mục tiêu giải phóng miền Nam và chỉ đạo quân dân ta tiếp tục tiến công trên ba mặt trận: chính trị, quân sự, và ngoại giao.

- Giai đoạn 1969-1972: Giữ vững và phát triển thế tiến công

+ Giữ vững thế chủ động: Sau Mậu Thân 1968, dù Mỹ chuyển sang "Việt Nam hóa", Đảng vẫn chỉ đạo quân dân miền Nam giữ vững thế tiến công, củng cố lực lượng và vùng giải phóng.

+ Đánh địch trên các chiến trường:

Các chiến dịch lớn ở Campuchia (1970) và Hạ Lào (Đường 9 – Nam Lào, 1971) đã giáng đòn nặng nề vào quân đội Sài Gòn, làm phá sản âm mưu "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương" của Mỹ.

Các phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị tiếp tục diễn ra sôi nổi, làm lung lay chính quyền Sài Gòn.

+ Cuộc tiến công chiến lược Xuân Hè 1972: Quân ta mở tiến công mạnh mẽ trên các hướng Trị Thiên, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, giành thắng lợi lớn, giải phóng nhiều vùng đất. Điều này buộc Mỹ phải dùng không quân đánh phá trở lại miền Bắc và đẩy mạnh đàm phán Paris.

- Giai đoạn 1973-1975: Giành thắng lợi hoàn toàn

+ Hiệp định Paris 1973 và cục diện mới: Sau thắng lợi của ta và trận "Điện Biên Phủ trên không" ở miền Bắc, Mỹ buộc phải ký Hiệp định Paris, rút hết quân Mỹ khỏi miền Nam. Đảng nhận định đây là thời cơ để ta tiếp tục tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

+ Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975:

Chủ trương của Đảng: Từ cuối 1974, nhận định thời cơ chiến lược đã chín muồi (Mỹ rút, nguy suy yếu), Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, nhưng cũng dự kiến khả năng thắng lợi sớm hơn.

Chiến dịch Tây Nguyên (tháng 3/1975): Đảng quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng chủ yếu. Thắng lợi ở Buôn Ma Thuột đã gây ra sự hoảng loạn, tan rã của quân nguy, mở đầu cho sự sụp đổ dây chuyền.

Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (tháng 3/1975): Nắm bắt thời cơ, quân ta nhanh chóng giải phóng Huế và Đà Nẵng, tiêu diệt một bộ phận lớn quân địch.

Chiến dịch Hồ Chí Minh (tháng 4/1975): Với tốc độ thần tốc, quân ta tiến vào Sài Gòn. Ngày 30/4/1975, Sài Gòn được giải phóng, kết thúc hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc.

\* Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng

Sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này là xuất sắc, thể hiện tầm nhìn chiến lược, bản lĩnh và sự linh hoạt sáng tạo:

- Nhận định đúng bản chất chiến lược mới của Mỹ: Đảng đã nhìn rõ "Việt Nam hóa" là một bước thụ động của Mỹ, vẫn cần phải kiên quyết đấu tranh đến cùng.

- Đường lối chiến tranh toàn diện, linh hoạt: Đảng đã kết hợp nhuần nhuyễn ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, ngoại giao), đặc biệt là tận dụng thắng lợi ngoại giao để phục vụ chiến trường.

- Chủ động tiến công và chớp thời cơ nhạy bén: Từ các chiến dịch lớn trước 1975 đến quyết định Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Đảng luôn giữ vững thế chủ động, nắm bắt và tận dụng triệt để thời cơ chiến lược khi địch suy yếu.

- Huy động sức mạnh tổng hợp: Đảng đã lãnh đạo huy động hiệu quả mọi nguồn lực từ miền Bắc và các vùng giải phóng, tạo ra sức mạnh áp đảo để giành chiến thắng cuối cùng.

Sự chỉ đạo của Đảng là nhân tố quyết định đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang.

## **11. Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng thời kỳ 1954 – 1975, Đảng ta rút ra những kinh nghiệm gì? Hãy phân tích một kinh nghiệm anh/chị tâm đắc nhất.**

### Lời giải:

Các kinh nghiệm lịch sử của Đảng trong lãnh đạo cách mạng, theo các nguồn này, bao gồm:

- Một là, đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ ngày đầu. Đường lối này phải là "kháng chiến và kiến quốc", "kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh là chính". Tinh thần, khí phách đó đã khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và mọi nguồn lực sáng tạo của các tầng lớp nhân dân.
- Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến. Kháng chiến toàn diện trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời ưu tiên đẩy mạnh hoạt động quân sự, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định.
- Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn. Phát triển các loại hình chiến tranh đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của cuộc kháng chiến và so sánh lực lượng ta - địch, đó là loại hình chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện.
- Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) một cách hợp lý, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ chính trị - quân sự của cuộc kháng chiến.
- Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trên tất cả các lĩnh vực, mặt trận.

Trong số các kinh nghiệm trên, tôi tâm đắc nhất với kinh nghiệm **"Đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cách mạng"**.

### Phân tích kinh nghiệm:

Kinh nghiệm này có ý nghĩa cốt lõi và bao trùm, là yếu tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn 1954-1975. Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Việt Nam bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Để tiếp tục sự nghiệp cách mạng, Đảng phải đối mặt với một thực tiễn phức tạp chưa từng có. Việc đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo đã được thể hiện rõ nét qua:

- Xác định đồng thời hai chiến lược cách mạng ở hai miền: Đại hội III (9/1960) đã xác định rõ miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hậu phương vững mạnh, còn miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đấu tranh giải phóng khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai để thống nhất đất nước. Đây là một sự sáng tạo độc đáo, phù hợp với đặc điểm lịch sử và tình hình quốc tế lúc bấy giờ.
- Chuyển hướng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công ở miền Nam: Trước bối cảnh chính sách đàn áp khốc liệt của Mỹ - Diệm và Luật 10/59, Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương (1/1959) đã quyết định chuyển sang sử dụng bạo lực cách mạng, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Quyết sách này đã dẫn đến phong trào Đồng Khởi (tiêu biểu là Bến Tre 1/1960), chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, phá vỡ từng mảng kìm kẹp của địch và mở ra cục diện mới.
- Xác định vai trò của từng miền đối với cách mạng cả nước: Miền Bắc đóng vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam, trong khi miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng của chính mình. Điều này đã tạo nên sự phối hợp chặt chẽ, tạo ra sức mạnh tổng hợp to lớn để chống lại đế quốc Mỹ xâm lược.

Sự đúng đắn và sáng tạo trong đường lối của Đảng không chỉ thể hiện ở việc nhận diện tình hình và xác định mục tiêu mà còn ở việc liên tục điều chỉnh, hoàn thiện phương pháp và hình thức đấu tranh để phù hợp với từng giai đoạn biến chuyển của chiến tranh. Kinh nghiệm này khẳng định tầm vóc trí tuệ và bản lĩnh của Đảng, là kim chỉ nam cho mọi hành động, giúp cách mạng Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách để đi đến thắng lợi cuối cùng là giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào năm 1975.

### CHƯƠNG 3

## ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY)

**1. Anh/Chị hãy trình bày đường lối phát triển kinh tế của Đảng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976). Qua đó nêu hạn chế của chủ trương này?**

Lời giải:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976) đã thông qua đường lối phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu chung là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

- Đường lối này được thể hiện qua hai nhiệm vụ chiến lược:

+ Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

+ Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

- Nội dung chính của đường lối công nghiệp hóa: Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Đồng thời, kết hợp xây dựng kinh tế trung ương với phát triển kinh tế địa phương, kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng.

\* Hạn chế của chủ trương này:

- Chủ quan, nóng vội, duy ý chí: Đường lối đề ra mục tiêu quá cao, vượt xa khả năng thực tế của nền kinh tế đất nước lúc bấy giờ. Đặc biệt là tư tưởng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trong điều kiện nông nghiệp và công nghiệp nhẹ còn yếu kém, cơ sở hạ tầng thiếu thốn.

- Không xuất phát từ thực tiễn khách quan: Kế hoạch phát triển kinh tế dựa trên mô hình của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, chưa đánh giá đúng những đặc điểm riêng của Việt Nam sau chiến tranh (thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm quản lý, hậu quả chiến tranh nặng nề).

- Phạm sai lầm trong việc xác định bước đi: Việc nhấn mạnh quá mức vào công nghiệp nặng ngay từ đầu đã làm mất cân đối nền kinh tế, gây ra tình trạng thiếu thốn hàng hóa tiêu dùng, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, làm chậm quá trình khôi phục và phát triển kinh tế.

## **2. Anh/Chị hãy Phân tích những quan điểm mới được đề ra tại Đại hội V của Đảng (3-1982). Nêu ý nghĩa và hạn chế của Đại hội?**

### Lời giải:

Đại hội V của Đảng (3-1982) diễn ra trong bối cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội. Đại hội đã có những điều chỉnh quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế.

\* Những quan điểm mới được đề ra:

- Xác định lại chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ: Đại hội xác định nước ta đang ở "chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội", một giai đoạn cực kỳ khó khăn, phức tạp. Điều này cho thấy nhận thức thực tế hơn về tình hình đất nước.

- Ưu tiên phát triển nông nghiệp: Đại hội xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đây là sự điều chỉnh quan trọng so với Đại hội IV, nhằm giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm cấp bách cho xã hội và tạo tiền đề cho công nghiệp hóa.

- Kết hợp nông - công nghiệp: Coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu nhưng phải gắn liền với công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng. Công nghiệp nặng chỉ phát triển một cách có chọn lọc, có bước đi phù hợp để phục vụ trực tiếp nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

- Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng quan hệ sản xuất mới: Tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và công nghiệp, khuyến khích phát triển kinh tế gia đình.

\* Ý nghĩa của Đại hội V:

- Bước tiến trong nhận thức: Đại hội đã có những nhận thức thực tế hơn về tình hình đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, không còn chủ quan, duy ý chí như giai đoạn trước.

- Điều chỉnh quan trọng trong chính sách kinh tế: Việc đặt nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, điều chỉnh tốc độ phát triển công nghiệp nặng đã phần nào giải quyết được những bức xúc về đời sống, lương thực, thực phẩm.



- Mở đường cho những đổi mới sau này: Những quan điểm mới tại Đại hội V là bước chuyển quan trọng, tạo tiền đề cho những đổi mới toàn diện và sâu sắc hơn tại Đại hội VI.

\* Hạn chế của Đại hội V:

- Chưa thoát khỏi tư duy cũ: Mặc dù có điều chỉnh, nhưng Đại hội vẫn chưa thực sự thoát ly khỏi tư duy kế hoạch hóa tập trung bao cấp, chưa mạnh dạn đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

- Chưa giải quyết triệt để vấn đề kinh tế: Các giải pháp đưa ra vẫn còn mang tính tình thế, chưa đủ mạnh để giải quyết căn bản các khó khăn của nền kinh tế đất nước. Tình trạng mất cân đối, trì trệ vẫn tiếp diễn.

**3. Anh/Chị hãy chứng minh: Chủ trương công nghiệp hóa “tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu” thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3-1982) được đánh giá là một bước điều chỉnh đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam?**

Lời giải:

Chủ trương công nghiệp hóa "tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu" được thông qua tại Đại hội V (3-1982) được đánh giá là một bước điều chỉnh đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam bởi những lý do sau:

- Phù hợp với điều kiện kinh tế thực tiễn của Việt Nam: Sau chiến tranh, Việt Nam là một nước nông nghiệp lạc hậu, chịu hậu quả chiến tranh nặng nề. Nền kinh tế kiệt quệ, thiếu thốn lương thực, thực phẩm nghiêm trọng. Việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng như Đại hội IV đề ra đã làm mất cân đối nghiêm trọng, không đáp ứng được nhu cầu cơ bản của đời sống nhân dân. Chủ trương mới tập trung vào nông nghiệp giúp giải quyết vấn đề cấp bách nhất là lương thực, thực phẩm, ổn định đời sống nhân dân.

- Giải quyết tình trạng mất cân đối kinh tế: Nông nghiệp là cơ sở để phát triển công nghiệp nhẹ và cung cấp nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp nặng. Việc coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu giúp khắc phục tình trạng mất cân đối giữa công nghiệp nặng với nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, tạo nền tảng vững chắc hơn cho sự phát triển lâu dài.

- Tạo tích lũy cho công nghiệp hóa: Khi nông nghiệp phát triển, sản xuất ra nhiều của cải hơn, nó sẽ tạo ra nguồn tích lũy vốn và nhân lực để phục vụ cho công nghiệp hóa trong các giai đoạn tiếp theo một cách bền vững hơn, tránh tình trạng "công nghiệp hóa bằng xương máu" của nông dân.

- Nâng cao đời sống nhân dân: Phát triển nông nghiệp trực tiếp cải thiện đời sống của đại bộ phận nông dân và toàn xã hội thông qua việc đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm, từ đó củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Mặc dù việc thực hiện còn gặp nhiều khó khăn do cơ chế cũ chưa được xóa bỏ hoàn toàn, nhưng về mặt chủ trương, đây là sự điều chỉnh cần thiết và đúng đắn, thể hiện sự nhận thức thực tế hơn của Đảng về con đường phát triển kinh tế đất nước trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

#### **4. Anh/Chị hãy phân tích ba bước đột phá kinh tế của Đảng thời kỳ trước đổi mới (1986).**

##### Lời giải:

Thời kỳ trước Đổi mới (trước Đại hội VI - 1986), đặc biệt là từ sau Đại hội V (1982), Đảng đã có những nỗ lực tìm tòi, đổi mới, thể hiện qua ba bước đột phá kinh tế nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất:

- Chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong nông nghiệp (Chỉ thị 100-CT/TW, 1981):

+ Nội dung: Thay vì khoán trắng cho hợp tác xã, Đảng cho phép khoán một số công đoạn sản xuất chính (cấy, chăm sóc, thu hoạch) trực tiếp cho các hộ xã viên. Sản phẩm thu được sau khi nộp nghĩa vụ cho hợp tác xã sẽ thuộc về người lao động.

+ Ý nghĩa: Bước đầu giải quyết vấn đề "cha chung không ai khóc" trong hợp tác xã, gắn lợi ích của người lao động với kết quả sản xuất, kích thích mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp phát triển, góp phần giải quyết vấn đề lương thực.

- Cho phép sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ theo ba khu vực kinh tế (kinh tế quốc doanh, tập thể, cá thể):

+ Nội dung: Khuyến khích phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ trong các thành phần kinh tế khác nhau, không chỉ bó hẹp trong kinh tế quốc doanh và tập thể.

+ Ý nghĩa: Bước đầu thừa nhận vai trò của kinh tế tư nhân (cá thể), giải phóng sức sản xuất trong các ngành này, tạo ra nhiều hàng hóa tiêu dùng hơn cho xã hội, đáp ứng một phần nhu cầu của nhân dân.

- Thực hiện giá - lương - tiền (1985):

+ Nội dung: Mục tiêu là xóa bỏ cơ chế bao cấp tràn lan, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đưa giá cả, tiền lương, tiền tệ về đúng giá trị thực. Tuy nhiên, do thực hiện quá nóng vội, thiếu đồng bộ và không có cơ sở vật chất đảm bảo, bước đột phá này đã thất bại.

+ Hậu quả: Gây ra lạm phát phi mã, đời sống nhân dân gặp cực kỳ khó khăn, bộc lộ rõ những hạn chế của cơ chế quản lý cũ và sự cần thiết phải có một cuộc đổi mới toàn diện, căn bản.

Những bước đột phá này, dù có thành công (như khoán trong nông nghiệp) hay thất bại (như giá - lương - tiền), đều là những nỗ lực tìm tòi, thử nghiệm của Đảng nhằm tháo gỡ bế tắc kinh tế. Chúng đã cung cấp những bài học xương máu và kinh nghiệm quý báu, tạo tiền đề quan trọng cho công cuộc Đổi mới toàn diện được khởi xướng tại Đại hội VI (1986).

### **5. Anh/Chị hãy trình bày những chủ trương đổi mới kinh tế được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986). Rút ra nhận xét chủ trương trên.**

#### Lời giải:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) đánh dấu bước ngoặt lịch sử của Việt Nam với đường lối Đổi mới toàn diện, mở ra kỷ nguyên phát triển mới. Đối với kinh tế, Đại hội đã đề ra những chủ trương quan trọng:

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế: Đại hội xác định cơ cấu kinh tế theo ba chương trình mục tiêu lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đây là sự thay đổi lớn so với việc ưu tiên công nghiệp nặng trước đây, nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của đời sống nhân dân và tạo nguồn vốn cho phát triển.

- Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần: Đại hội công nhận sự tồn tại lâu dài của nền kinh tế nhiều thành phần, bao gồm kinh tế quốc doanh, tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước. Đảng nhấn mạnh kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, nhưng khuyến khích các thành phần kinh tế khác cùng phát triển, phát huy tiềm năng của mọi nguồn lực xã hội.

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế: Chuyển từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa theo phương thức hạch toán kinh doanh. Điều này nghĩa là các đơn vị kinh tế tự chủ hơn trong sản xuất, kinh doanh, gắn sản xuất với thị trường và có lợi nhuận.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại: Chủ trương đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, khuyến khích hợp tác và thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện công bằng xã hội trong phân phối: Đổi mới chính sách phân phối theo nguyên tắc làm nhiều hưởng nhiều, khuyến khích làm giàu chính đáng gắn liền với xóa đói giảm nghèo.

\* Nhận xét chủ trương trên:

Chủ trương đổi mới kinh tế tại Đại hội VI là một bước ngoặt lịch sử, thể hiện sự dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật của Đảng. Nó đã khắc phục những sai lầm chủ quan, duy ý chí trong giai đoạn trước, đưa ra đường lối phù hợp với quy luật khách quan và điều kiện thực tiễn của Việt Nam. Tuy nhiên, đây mới là bước khởi đầu của quá trình Đổi mới, cần thời gian để hoàn thiện và đi vào chiều sâu.

## **6. Anh/Chị hãy trình bày những nội dung và kết quả chỉ đạo đổi mới quan trọng của Đảng tại các Hội nghị Trung ương Đảng khóa VI trên lĩnh vực kinh tế.**

Lời giải:

Sau Đại hội VI, các Hội nghị Trung ương khóa VI đã cụ thể hóa và triển khai đường lối Đổi mới, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế, nổi bật với những nội dung và kết quả chỉ đạo quan trọng sau:

- Hội nghị Trung ương 2 (4-1987) và 3 (8-1987):

+ Nội dung: Tập trung vào giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông và thực hiện ba chương trình kinh tế lớn (lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu). Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI về công nhận và phát triển kinh tế nhiều thành phần, xoá bỏ độc quyền kinh doanh, mở rộng lưu thông hàng hoá.

+ Kết quả: Bước đầu phá vỡ thế độc quyền của kinh tế quốc doanh trong một số lĩnh vực, khuyến khích các thành phần kinh tế khác tham gia sản xuất, kinh doanh, làm cho thị trường sôi động hơn.

- Hội nghị Trung ương 6 (3-1989):

+ Nội dung: Đề ra chủ trương khắc phục tình trạng lạm phát phi mã, cải thiện đời sống nhân dân, phát huy quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Đặc biệt, Hội nghị đã quyết định đưa ra các giải pháp đồng bộ để kiềm chế lạm phát, ổn định giá cả.

+ Kết quả: Đây là Hội nghị rất quan trọng, đã có những giải pháp đúng đắn để chặn đứng lạm phát. Việt Nam đã đạt được những thành công bước đầu trong việc kiềm chế lạm phát từ mức ba con số xuống hai con số trong vòng một năm, cải thiện đáng kể đời sống nhân dân, ổn định xã hội.

- Hội nghị Trung ương 7 (8-1989):

+ Nội dung: Tiếp tục cụ thể hóa và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế mới, xóa bỏ cơ chế bao cấp hoàn toàn, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

+ Kết quả: Tạo cơ sở pháp lý và cơ chế vận hành cho các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng hơn, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Nhìn chung, các Hội nghị Trung ương khóa VI đã cụ thể hóa và điều chỉnh đường lối Đổi mới của Đại hội VI, kịp thời tháo gỡ khó khăn, đưa nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng. Những kết quả đạt được đã chứng minh tính đúng đắn và hiệu quả của đường lối Đổi mới.

**7. Anh/Chị hãy chứng minh: Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Rút ra ý nghĩa của Cương lĩnh.**

Lời giải:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 1991) được thông qua tại Đại hội VII (1991) đã giải đáp đúng đắn **vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - đó là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng.**

**Chứng minh:**

- **Xác định đúng mục tiêu và bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:** Cương lĩnh đã xác định rõ 6 đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng (sau này được bổ sung thành 8 đặc trưng ở Đại hội XI). Điều này giúp làm sáng tỏ mục tiêu phấn đấu, tránh mơ hồ và sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- **Chỉ rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh quốc tế mới:** Sau sự sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, nhiều nước hoài nghi về con đường xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh 1991 đã khẳng định kiên định con

đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng với phương pháp và bước đi phù hợp với điều kiện Việt Nam, không rập khuôn máy móc.

- **Đề ra những phương hướng cơ bản:** Cương lĩnh đã đưa ra 7 phương hướng lớn để xây dựng chủ nghĩa xã hội (xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hóa-xã hội, củng cố quốc phòng-an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, xây dựng Đảng...). Những phương hướng này đã trở thành kim chỉ nam cho toàn bộ quá trình Đổi mới sau này.
- **Tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn:** Cương lĩnh là kết quả của quá trình tổng kết 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng, đặc biệt là 5 năm đầu của công cuộc Đổi mới, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu.

### **Ý nghĩa của Cương lĩnh 1991:**

- **Là ngọn cờ tư tưởng, lý luận của Đảng trong thời kỳ Đổi mới:** Cương lĩnh đã củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- **Nền tảng lý luận cho đường lối Đổi mới:** Cương lĩnh đã tạo cơ sở lý luận vững chắc để Đảng tiếp tục hoàn thiện và phát triển đường lối Đổi mới trong những giai đoạn tiếp theo.
- **Góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội:** Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, Cương lĩnh đã giúp Việt Nam giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, vượt qua thử thách và tiếp tục phát triển.

**8. Anh/Chị hãy trình bày quan điểm của Đảng về công nghiệp hoá trong thời kỳ mới được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996). Qua đó làm rõ trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.**

#### Lời giải:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (6/1996) đã tổng kết 10 năm Đổi mới và đề ra quan điểm về **công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH)** trong thời kỳ mới.

#### **Quan điểm của Đảng về CNH, HĐH trong thời kỳ mới:**

- **Mục tiêu:** Xây dựng Việt Nam thành một nước công nghiệp với cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc.

- **Nội dung cơ bản:** Tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức.
- **Quan điểm phát triển:**
  - **Phát triển CNH, HĐH theo hướng rút ngắn:** Tức là bỏ qua những bước phát triển tuần tự của các nước đi trước, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ hiện đại.
  - **Kết hợp CNH, HĐH với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:** Sử dụng các quy luật thị trường để huy động nguồn lực, đồng thời đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua vai trò quản lý của Nhà nước.
  - **Phát triển toàn diện và đồng bộ:** CNH, HĐH không chỉ ở lĩnh vực sản xuất vật chất mà còn cả khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa, xã hội.
  - **Ưu tiên phát triển các ngành và lĩnh vực có lợi thế:** Nâng cao hiệu quả đầu tư, chú trọng khoa học công nghệ.
  - **Thực hiện đa dạng hóa các hình thức sở hữu và thành phần kinh tế:** Phát huy tối đa mọi nguồn lực trong và ngoài nước.
  - **Gắn CNH, HĐH với xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.**

#### **Trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước:**

Là một công dân Việt Nam, trách nhiệm của tôi đối với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước là:

- **Không ngừng học tập, nâng cao trình độ:** Đặc biệt là trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc, và khả năng ứng dụng khoa học công nghệ vào công việc. Đây là yếu tố then chốt để thích nghi và đóng góp vào nền kinh tế hiện đại.
- **Lao động sáng tạo, hiệu quả:** Tích cực tìm tòi, cải tiến phương pháp làm việc, nâng cao năng suất và chất lượng công việc trong lĩnh vực mình phụ trách.
- **Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp:** Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng, và xã hội văn minh.
- **Tích cực tham gia các hoạt động xã hội:** Tham gia vào các hoạt động phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

- **Phát huy tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc:** Góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, sản phẩm Việt Nam ra thế giới, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa, khoa học của nhân loại.

**9. Anh/Chị hãy làm rõ quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được thông qua tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7/1998). Qua đó, hãy nêu trách nhiệm của bản thân để đóng góp vào việc giữ gìn, phát huy, truyền bá các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?**

Lời giải:

Tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7/1998), Đảng đã ban hành Nghị quyết về "**Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**". Đây là một văn kiện quan trọng, làm sâu sắc thêm nhận thức về văn hóa trong công cuộc đổi mới.

**Quan điểm chính của Đảng:**

- **Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội:** Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội đều phải hướng tới xây dựng và phát triển văn hóa.
- **Xây dựng nền văn hóa tiên tiến:**
  - **Tiên tiến:** Mang tinh thần yêu nước và tiến bộ; gắn bó với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hướng tới cái chân, thiện, mỹ; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu văn hóa dân tộc.
  - **Đậm đà bản sắc dân tộc:** Thể hiện ở lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân với gia đình, làng, nước; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình; tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc không bất biến mà luôn vận động, phát triển.
- **Thống nhất và đa dạng trong văn hóa:** Xây dựng một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc anh em.
- **Giữ gìn bản sắc và tiếp thu tinh hoa:** Vừa phải giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa phải tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa thế giới để làm giàu và phát triển văn hóa Việt Nam.



- **Văn hóa gắn liền với con người:** Xây dựng văn hóa là xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về phẩm chất, trí tuệ, đạo đức, lối sống.

**Trách nhiệm của bản thân để đóng góp vào việc giữ gìn, phát huy, truyền bá các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam:**

Là một công dân, tôi nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:

- **Hiểu biết và trân trọng giá trị truyền thống:** Tích cực tìm hiểu lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, lễ hội truyền thống của dân tộc và địa phương. Trân trọng những giá trị đạo đức, lối sống, tinh thần "tương thân tương ái", "uống nước nhớ nguồn".
- **Sống và làm việc theo chuẩn mực đạo đức:** Rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, trung thực, nhân ái, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Luôn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- **Tham gia bảo tồn và phát huy văn hóa:** Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật truyền thống, lễ hội địa phương. Ủng hộ các di sản văn hóa, lịch sử.
- **Giới thiệu và truyền bá văn hóa:** Tự hào giới thiệu văn hóa Việt Nam với bạn bè quốc tế thông qua các hoạt động giao lưu, học tập và làm việc. Khuyến khích thế hệ trẻ tìm hiểu và yêu quý văn hóa dân tộc.
- **Chủ động tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại có chọn lọc:** Nắm bắt những giá trị tiên bộ của văn hóa thế giới nhưng luôn giữ vững lập trường, không đánh mất bản sắc dân tộc, chống lại các trào lưu văn hóa độc hại.

**10. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ bước trưởng thành trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001).**

Lời giải:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (4-2001) đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sau 15 năm đổi mới, Đảng đã có cơ sở thực tiễn và lý luận vững chắc hơn để khái quát và tổng kết.

**Sự trưởng thành trong nhận thức thể hiện ở các điểm sau:**

- **Khẳng định "Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là sự phát triển biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh":** Đại hội IX chính thức bổ sung và khẳng định **Tư tưởng Hồ Chí Minh** là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đây là một bước tiến quan trọng, giải quyết vấn đề lý luận cốt lõi về con đường cách mạng Việt Nam, gắn chặt chủ nghĩa Mác-Lênin với thực tiễn Việt Nam thông qua di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- **Làm rõ hơn mô hình và đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam:** Đại hội đã làm rõ thêm một số đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang xây dựng, cụ thể hóa Cương lĩnh năm 1991. Điều này giúp cho mục tiêu phấn đấu trở nên rõ ràng, cụ thể và thực tiễn hơn.
- **Xác định rõ hơn những mục tiêu và phương hướng cơ bản:** Đại hội đã chỉ rõ mục tiêu tổng quát là "xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Đồng thời, tiếp tục cụ thể hóa các phương hướng lớn để đạt được mục tiêu đó, đặc biệt là việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- **Nhấn mạnh sự cần thiết của thời kỳ quá độ lâu dài, khó khăn:** Nhận thức rõ tính chất phức tạp, lâu dài của thời kỳ quá độ, không còn tư tưởng nóng vội "đốt cháy giai đoạn". Điều này phản ánh sự tổng kết kinh nghiệm thực tiễn sau nhiều năm đổi mới.
- **Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng:** Đại hội tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng.

Tóm lại, Đại hội IX đã hệ thống hóa và phát triển tư duy lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cung cấp cơ sở vững chắc cho việc tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới trong giai đoạn tiếp theo.

**11. Anh/Chị hãy trình bày đặc trưng mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được thông qua tại Đại hội toàn quốc lần thứ X (4-2006) và chỉ ra những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.**

Lời giải:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (4-2006) đã tiếp tục hoàn thiện nhận thức về mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, dựa trên những đặc trưng đã được nêu trong Cương lĩnh 1991 và được bổ sung, phát triển. Đại hội X đã khẳng định 8 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang hướng tới (sau này được tiếp tục khẳng định tại Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011).

**8 đặc trưng mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng (theo Đại hội X):**

- 1. Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.**
- 2. Do nhân dân làm chủ.**
- 3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp.**
- 4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.**
- 5. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện.**
- 6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.**
- 7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.**
- 8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.**

**Những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay:**

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, Việt Nam vẫn đối mặt với không ít khó khăn và thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội:

- Thách thức về kinh tế:**

- **Chất lượng tăng trưởng chưa bền vững:** Tăng trưởng kinh tế vẫn còn phụ thuộc nhiều vào yếu tố vốn và tài nguyên, chưa thực sự dựa vào khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- **Năng lực cạnh tranh còn yếu:** Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế còn thấp so với các nước trong khu vực và thế giới.
- **Phân hóa giàu nghèo và bất bình đẳng:** Khoảng cách giàu nghèo có xu hướng gia tăng, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn xã hội.
- **Thách thức từ hội nhập quốc tế:** Áp lực cạnh tranh, rủi ro từ biến động kinh tế toàn cầu, sự phụ thuộc vào thị trường bên ngoài.
- **Thách thức về xã hội:**
  - **Tệ nạn xã hội:** Tham nhũng, tiêu cực, tội phạm, ma túy, ô nhiễm môi trường vẫn là những vấn đề nhức nhối.
  - **Vấn đề giáo dục, y tế, an sinh xã hội:** Chất lượng dịch vụ công còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân.
  - **Suy thoái đạo đức, lối sống:** Một bộ phận xã hội có biểu hiện phai nhạt lý tưởng, chạy theo lối sống thực dụng.
- **Thách thức về chính trị và xây dựng Đảng:**
  - **Nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa":** Các thế lực thù địch vẫn tìm cách chống phá Đảng và Nhà nước, gây chia rẽ.
  - **Thoái hóa, biến chất trong nội bộ Đảng:** Một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, gây giảm sút niềm tin của nhân dân.
  - **Nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng:** Trong bối cảnh mới, Đảng cần không ngừng tự đổi mới, chỉnh đốn để giữ vững vai trò tiên phong, lãnh đạo đất nước.

## **12. Anh/Chị hãy trình bày những điểm bổ sung, phát triển của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991.**

### Lời giải:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 1991) đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (1/2011) bổ sung, phát triển, nhằm cập nhật lý luận và thực tiễn sau 20 năm đổi mới.

### **Những điểm bổ sung, phát triển đáng chú ý:**

#### **1. Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa:**

- Cương lĩnh 1991 nêu 6 đặc trưng. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã **bổ sung thành 8 đặc trưng**, thể hiện rõ hơn mục tiêu và tính chất của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng. Đặc biệt nhấn mạnh thêm:
  - "Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản".
  - "Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới".
- Sự bổ sung này cho thấy nhận thức đầy đủ hơn về vai trò của nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

#### **2. Về phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội:**

- Cương lĩnh 1991 nêu 7 phương hướng. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã **khái quát lại và bổ sung, phát triển thêm một số nội dung quan trọng**, đặc biệt nhấn mạnh:
  - **Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ hơn:** Làm rõ hơn khái niệm và bản chất của nền kinh tế này, coi đó là nền kinh tế vận hành theo các quy luật thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa.
  - **Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa:** Khẳng định rõ hơn vai trò của Nhà nước pháp quyền trong quản lý xã hội, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.
  - **Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức:** Nâng tầm và làm rõ hơn nội dung của công nghiệp hóa,

hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ.

- **Phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ:** Coi đây là quốc sách hàng đầu.

3. **Về mục tiêu tổng quát:** Cương lĩnh 2011 nhấn mạnh rõ hơn mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. **Về sự lãnh đạo của Đảng:** Tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu.

Những bổ sung, phát triển này cho thấy sự trưởng thành trong tư duy lý luận của Đảng, tổng kết sâu sắc hơn thực tiễn 20 năm đổi mới, đồng thời cập nhật những xu thế phát triển của thời đại, tạo cơ sở lý luận vững chắc cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

**13. Anh/Chị hãy trình bày một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay được thể hiện thông qua Nghị quyết số 12-NQ/TW do Hội nghị Trung ương 4 khóa XI ban hành ngày 16/1/2012. Qua đó, hãy đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay.**

Lời giải:

Nghị quyết số 12-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XI (16/1/2012) về "**Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay**" là một nghị quyết đặc biệt quan trọng, chỉ ra thẳng thắn, mạnh dạn những yếu kém, hạn chế trong công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

**Những vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng:**

Nghị quyết đã chỉ ra **ba vấn đề cấp bách** cần tập trung giải quyết:

1. **Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên:** Đây là vấn đề nghiêm trọng nhất. Biểu hiện là sự phai nhạt lý tưởng, dao động niềm tin; nói và làm trái quan điểm, đường lối của Đảng; sống thực dụng, cơ hội, tham nhũng, lãng phí, xa hoa, cục bộ, bè phái, vô

trách nhiệm, thiếu gương mẫu, quan liêu, vô cảm... Tình trạng này làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào Đảng.

2. **Những hạn chế, yếu kém trong công tác cán bộ:** Bao gồm việc đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ còn nhiều bất cập, chưa thực sự khách quan, công tâm. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, lợi ích nhóm còn diễn ra.
3. **Những nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình bị buông lỏng ở một số nơi:** Nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được thực hiện nghiêm túc; tình trạng dân chủ hình thức, độc đoán, chuyên quyền ở một số nơi, hoặc ngược lại là dân chủ quá trớn, tùy tiện. Tự phê bình và phê bình còn hình thức, nể nang, né tránh, ngại va chạm.

### **Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay:**

Để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp:

#### **1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng:**

- Thường xuyên quán triệt sâu rộng chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng.
- Giáo dục đạo đức cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần phụng sự Tổ quốc và nhân dân.
- Tổ chức các đợt học tập, sinh hoạt chính trị sâu rộng, gắn lý luận với thực tiễn, giúp đảng viên nhận thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm của mình.

#### **2. Nâng cao chất lượng công tác tự phê bình và phê bình:**

- Tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn trong sinh hoạt Đảng để mỗi đảng viên, tổ chức đảng mạnh dạn tự phê bình và tiếp thu phê bình.
- Xử lý nghiêm minh các trường hợp nể nang, né tránh, hoặc trù dập người phê bình.
- Đề cao vai trò gương mẫu của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

#### **3. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương của Đảng:**

- Xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy chế của Đảng một cách chặt chẽ, minh bạch.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.
- Xử lý nghiêm minh các trường hợp suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, lãng phí, không có vùng cấm.

**4. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác kết nạp, quản lý và sàng lọc đảng viên:**

- Ưu tiên kết nạp những quần chúng ưu tú, có phẩm chất, năng lực, lý tưởng, tránh chạy theo số lượng.
- Tăng cường công tác quản lý đảng viên chặt chẽ, cả về tư tưởng, đạo đức, lối sống và công tác chuyên môn.
- Kiên quyết sàng lọc, đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không còn đủ tư cách, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước.

**5. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân:**

- Tạo cơ chế để nhân dân tham gia giám sát hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên.
- Tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân, xử lý nghiêm túc các phản ánh, tố giác về hành vi vi phạm của đảng viên.

Những giải pháp này cần được triển khai đồng bộ, kiên trì, thường xuyên, nhằm xây dựng đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**14. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (6/2014). Qua đó, làm rõ đóng góp của bản thân vào việc xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp.**

Lời giải:

Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (6/2014) đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về "**Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước**". Đây là một văn kiện quan trọng, tiếp tục cụ thể hóa và phát triển tư duy của Đảng về văn hóa trong bối cảnh mới.

**Các quan điểm chỉ đạo chính:**



- **Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước:** Khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của văn hóa, không chỉ là yếu tố hỗ trợ mà là yếu tố cốt lõi quyết định sự phát triển của đất nước.
- **Phát triển văn hóa đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội:** Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; không tách rời mà phải gắn kết chặt chẽ với các lĩnh vực khác để tạo nên sự phát triển hài hòa, bền vững.
- **Xây dựng con người là trung tâm của chiến lược phát triển:** Nhấn mạnh con người vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu của sự phát triển văn hóa và xã hội. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển.
- **Phát huy giá trị truyền thống và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại:** Kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc (lòng yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, nhân ái, khoan dung, hiếu học...). Đồng thời, chủ động, tích cực tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới để làm giàu và phát triển văn hóa Việt Nam, chống lại sự xâm nhập của văn hóa độc hại.
- **Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:** Tạo điều kiện để văn hóa thấm thâu vào mọi mặt của đời sống xã hội, từ gia đình, cộng đồng đến cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.
- **Đề cao vai trò của gia đình trong việc nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách:** Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi hình thành và nuôi dưỡng nhân cách con người.

### **Đóng góp của bản thân vào việc xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp:**

Để góp phần xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp theo quan điểm của Đảng, bản thân tôi cần:

- **Rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống:** Luôn học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trung thực, trách nhiệm, giản dị, tiết kiệm, sống có nghĩa tình, biết yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ người khác.
- **Nâng cao trình độ tri thức và kỹ năng sống:** Chủ động học hỏi, cập nhật kiến thức, rèn luyện tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề. Trang bị kiến thức để nhận diện và loại bỏ những yếu tố văn hóa độc hại.

- **Chấp hành pháp luật và quy định cộng đồng:** Sống có kỷ luật, thượng tôn pháp luật, tôn trọng quy tắc, chuẩn mực xã hội, không ngừng hoàn thiện bản thân để trở thành công dân có ích.
- **Góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh:** Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa. Lên án những hành vi sai trái, tiêu cực, góp phần đẩy lùi tệ nạn xã hội.
- **Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc:** Tự hào về lịch sử, truyền thống, tiếng Việt. Tham gia bảo tồn, quảng bá các giá trị văn hóa, nghệ thuật dân gian. Đồng thời, chủ động tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới một cách có chọn lọc.

**15. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được thông qua tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11-2013). Để đáp ứng với yêu cầu trên, sinh viên cần làm gì?**

Lời giải:

Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11-2013) đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về **"Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"**. Đây là một nghị quyết mang tính đột phá, xác định rõ hướng đi cho ngành giáo dục Việt Nam.

**Các quan điểm chỉ đạo chính:**

- **Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu:** Khẳng định giáo dục là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước, được ưu tiên hàng đầu trong các chính sách đầu tư và phát triển.
- **Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển đất nước:** Giáo dục phải phục vụ trực tiếp cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- **Chuyển từ nặng về truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất người học:** Đây là điểm nhấn quan trọng nhất. Giáo dục không chỉ dạy kiến thức mà phải trang bị kỹ năng sống, năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và phẩm chất đạo đức cho người học.

- **Đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục:** Từ bậc mầm non đến đại học, có sự đổi mới đồng bộ về chương trình, phương pháp giảng dạy, thi cử và kiểm tra đánh giá.
- **Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:** Đề cao vai trò của người thầy, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên cả về chuyên môn và đạo đức.
- **Thực hiện xã hội hóa giáo dục:** Khuyến khích toàn xã hội tham gia vào sự nghiệp giáo dục, đa dạng hóa các loại hình trường lớp, nguồn đầu tư cho giáo dục.
- **Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục:** Tiếp thu kinh nghiệm tiên tiến của thế giới, đồng thời quảng bá giáo dục Việt Nam.

### **Để đáp ứng với yêu cầu trên, sinh viên cần làm gì?**

Là lực lượng nòng cốt của tương lai đất nước, sinh viên có vai trò quan trọng trong việc thực hiện đổi mới giáo dục:

- **Chủ động học tập và rèn luyện:** Không chỉ học kiến thức trên lớp mà phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, tìm tòi, mở rộng hiểu biết. Nâng cao năng lực tự học, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện.
- **Phát triển phẩm chất đạo đức và lối sống:** Rèn luyện ý thức công dân, tinh thần trách nhiệm, trung thực, kỷ luật, yêu nước, sống có lý tưởng. Tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, vì cộng đồng.
- **Nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học:** Đây là những công cụ thiết yếu để tiếp cận tri thức thế giới, hội nhập quốc tế và làm việc hiệu quả trong môi trường hiện đại.
- **Tham gia nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo:** Tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu, các cuộc thi sáng tạo, ứng dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- **Thích nghi với phương pháp học tập mới:** Chủ động tiếp thu các phương pháp giảng dạy mới, thay đổi tư duy từ thụ động tiếp nhận sang chủ động kiến tạo tri thức.

**16. Anh/Chị hãy trình bày sáu nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới được thông qua tại Đại hội XII (1/2016). Để phát huy nhân tố con người, sinh viên cần phải làm gì?**

Lời giải:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (1/2016) đã tổng kết 30 năm Đổi mới và đề ra những định hướng lớn cho giai đoạn phát triển mới, trong đó có **sáu nhiệm vụ trọng tâm** để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới:

1. **Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ:** Đây là nhiệm vụ hàng đầu, then chốt, quyết định sự thành công của công cuộc đổi mới.
2. **Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu:** Nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước và hiệu quả hoạt động của các cơ quan.
3. **Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh:** Nhấn mạnh vào chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.
4. **Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước:** Đảm bảo an ninh quốc phòng, đối ngoại để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển.
5. **Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân; chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân:** Coi nhân dân là trung tâm, là chủ thể của sự phát triển.
6. **Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước:** Tiếp tục cụ thể hóa và triển khai Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về văn hóa và con người.

**Để phát huy nhân tố con người, sinh viên cần phải làm gì?**

Phát huy nhân tố con người là trọng tâm của sự phát triển bền vững. Sinh viên, với tư cách là thế hệ trẻ, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc này:

- **Rèn luyện đạo đức, lối sống chuẩn mực:** Tu dưỡng bản thân theo các giá trị chân, thiện, mỹ; sống có lý tưởng, trách nhiệm, trung thực, nhân ái, tuân thủ pháp luật. Đây là nền tảng để trở thành một công dân tốt.
- **Không ngừng học tập, nâng cao tri thức và chuyên môn:** Chủ động tiếp thu kiến thức khoa học, công nghệ mới; rèn luyện kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện); phấn đấu trở thành người có năng lực chuyên môn giỏi, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế.
- **Nâng cao ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần cống hiến:** Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện, đóng góp sức trẻ vào sự phát triển của cộng đồng và đất nước. Mạnh dạn đề xuất ý tưởng, sáng kiến đổi mới.
- **Phát huy tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo:** Không ngừng tìm tòi, học hỏi để khởi nghiệp, tạo ra giá trị mới cho xã hội, góp phần tạo việc làm và thúc đẩy kinh tế.
- **Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc:** Tự hào về truyền thống, lịch sử, văn hóa Việt Nam. Góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, đấu tranh với các hủ tục, tệ nạn xã hội và văn hóa độc hại.

**17. Anh/Chị hãy trình bày quan điểm phát triển đất nước trong thời kỳ mới của Đảng tại Đại hội XIII (2021). Để “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, trách nhiệm tiên phong của bản thân và sinh viên Việt Nam hiện nay là gì?**

Lời giải:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021) đã đề ra những quan điểm phát triển đất nước trong thời kỳ mới, với tầm nhìn chiến lược đến giữa thế kỷ XXI, khẳng định khát vọng phát triển Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

**Quan điểm phát triển đất nước trong thời kỳ mới:**

- **Kiên định và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh:** Đây là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động.
- **Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội:** Khẳng định con đường phát triển của Việt Nam, không ngừng củng cố nền tảng chính trị, xã hội vững chắc.
- **Đổi mới đồng bộ, toàn diện:** Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới trên tất cả các lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại).

- **Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc:** Trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi.
- **Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc:** Coi đây là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất.
- **Phát huy tối đa nhân tố con người:** Coi con người là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển.
- **Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường:** Đảm bảo phát triển bền vững.
- **Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả:** Phát triển nội lực là chính, đồng thời tận dụng cơ hội từ bên ngoài.
- **Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc:** Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển.
- **Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh:** Đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước.

**Để "khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc", trách nhiệm tiên phong của bản thân và sinh viên Việt Nam hiện nay là gì?**

Sinh viên là lực lượng tiên phong, xung kích trong việc hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc:

- **Tiên phong trong học tập và rèn luyện:**
  - **Học tập xuất sắc:** Nắm vững kiến thức chuyên môn, không ngừng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm để trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0.
  - **Rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống:** Chủ động rèn luyện ý thức công dân, sống trung thực, có trách nhiệm, kỷ luật, có hoài bão, khát vọng cống hiến cho đất nước.
- **Tiên phong trong sáng tạo và đổi mới:**
  - **Tham gia nghiên cứu khoa học:** Mạnh dạn tham gia các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào thực tiễn, đóng góp vào sự phát triển của khoa học và công nghệ đất nước.

- **Khởi nghiệp và lập nghiệp:** Năng động, dám nghĩ, dám làm để khởi nghiệp, tạo ra giá trị mới, việc làm mới cho xã hội.
- **Tiên phong trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc:**
  - **Góp phần xây dựng xã hội công bằng, văn minh:** Tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, vì cộng đồng, lên án những tiêu cực, tham nhũng.
  - **Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng:** Nâng cao nhận thức chính trị, kiên định lý tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.
  - **Bảo vệ chủ quyền quốc gia:** Nâng cao ý thức cảnh giác, góp phần bảo vệ vững chắc biên giới, biển đảo của Tổ quốc.
  - **Thúc đẩy hội nhập quốc tế:** Chủ động học hỏi, giao lưu với bạn bè quốc tế, giới thiệu văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.

**18. Anh/Chị hãy trình bày những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay. Qua đó, anh/chị tâm đắc nhất bài học nào? Vì sao?**

Lời giải:

Từ khi ra đời (1930) đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại. Quá trình đó đã để lại nhiều bài học lớn, có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc:

**Những bài học lớn:**

1. **Một là, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội:** Đây là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng đều kiên định mục tiêu này, thể hiện qua các giai đoạn: đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945), kháng chiến chống Pháp (1945-1954), kháng chiến chống Mỹ (1954-1975) và xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
2. **Hai là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của Việt Nam:** Đảng không rập khuôn máy móc lý luận mà luôn xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, từ đó đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với từng giai đoạn lịch sử. Việc bổ sung, khẳng định Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng là một minh chứng.

3. **Ba là, không ngừng củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc:** Đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc. Đảng đã biết tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, mọi lực lượng yêu nước vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng mọi kẻ thù và xây dựng đất nước.
4. **Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại:** Đảng luôn nhìn nhận cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Từ việc tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, đến việc hội nhập quốc tế sâu rộng trong thời kỳ đổi mới, Đảng luôn biết tận dụng tối đa các yếu tố quốc tế để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng.
5. **Năm là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức:** Đảng luôn coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, quyết định sự sống còn của cách mạng. Đảng thường xuyên tự chỉnh đốn, tự đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, giữ vững vai trò là đội tiên phong của giai cấp công nhân và của toàn dân tộc.

#### **Bài học tâm đắc nhất và vì sao:**

Trong các bài học trên, tôi tâm đắc nhất là bài học về "**Không ngừng củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc**".

#### **Lý do:**

- **Giá trị truyền thống của dân tộc:** "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công" là bài học xương máu được đúc kết từ ngàn đời của cha ông ta. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, khi nào dân tộc ta đoàn kết thì khi đó đất nước hưng thịnh và giành được thắng lợi.
- **Sức mạnh vượt mọi khó khăn:** Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại và những giai đoạn xây dựng đất nước đầy gian khó. Chính sức mạnh đoàn kết của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã giúp chúng ta vượt qua mọi thách thức, chiến thắng những đế quốc hùng mạnh nhất và đạt được những thành tựu phát triển như ngày nay. chiến thắng những đế quốc hùng mạnh nhất.
- **Ý nghĩa trong thời đại hiện nay:** Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cạnh tranh gay gắt và nhiều thách thức mới (biến đổi khí hậu, dịch bệnh, các thế lực thù địch...), sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vẫn là yếu tố then chốt để Việt Nam giữ vững độc lập, chủ quyền, phát triển bền vững và hiện thực hóa khát vọng phồn



vinh, hạnh phúc. Chỉ khi toàn dân tộc đồng lòng, chung sức, chúng ta mới có thể vượt qua mọi rào cản và tiến lên.

- **Trách nhiệm cá nhân:** Bài học này nhắc nhở mỗi cá nhân phải luôn đặt lợi ích chung của dân tộc lên trên hết, biết dung hòa các lợi ích cá nhân, địa phương để cùng nhau xây dựng một khối đoàn kết vững chắc.

Bài học về đại đoàn kết không chỉ là lý luận mà là kim chỉ nam hành động, là nguồn sức mạnh vô tận giúp Việt Nam vững bước trên con đường phát triển.

